TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 04 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thạch;

Ông Nguyễn Xuân Thí;

Ông Trương Xuân Mâu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Kiểm sát viên Trung cấp.

Trong các ngày 03 và 04 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, tên gọi khác: C, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1992 tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố 8, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ph; có vợ là Trần Thị Thu H và 02 con sinh các năm 2015, 2018; tiền án: Có 02 tiền án, Bản án số 14/2013/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành hình phạt tại Trại giam Bình Điền, ra Trại ngày 27 tháng 3 năm 2014; Bản án số 12/2015/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2015 của Toà án nhân dân thành

phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 27 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 08 tháng 12 năm 2017 theo Lệnh bắt khẩn cấp của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn sau đó bị tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

2. Nguyễn Văn H, tên gọi khác: Ng, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1991 tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố 8, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Lê Thị N và 02 con sinh năm 2015, 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 125/2009/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Toà án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành hình phạt tại Trại giam Xuân Lộc, ra Trại ngày 21 tháng 5 năm 2010; bị bắt tạm giữ ngày 08 tháng 12 năm 2017 theo Lệnh bắt khẩn cấp của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn sau đó bị tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên toà sơ thẩm:

Luật sư Nguyễn Thái Tiệp - Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bị hại:

1. Bà Liêu Thị Tú L, sinh năm 1966, trú tại Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1973, trú tại Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1968, trú tại Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

4. Ông Đoàn Văn V, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố T, phường B, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Thị Tố L, sinh năm 1986, trú tại Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

6. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố C, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

7. Bà Trương Thị Ng, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

8. Bà Đậu Thị Ph, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố C, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

9. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964, trú tại Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

10. Bà Nguyễn Thị Tố L, sinh năm 1986, trú tại Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

11. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1956, trú tại Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt buổi sáng ngày 03 tháng 10 năm 2018 sau đó vắng mặt;

12. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố T, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

13. Bà Võ Thị Thuý H, sinh năm 1976, trú tại Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

14. Ông Phan Hải Ph, sinh năm 1962, trú tại Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

15. Ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1961, trú tại Tiểu khu 10, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

16. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1983, trú tại Tổ dân phố 5, phường B, thành phố Đi, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

17. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, trú tại Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

18. Ông Võ Xuân Q, sinh năm 1971, trú tại thôn T, xã C, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

19. Ông Trần Tiến D, sinh năm 1971, trú tại Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

20. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1959, trú tại Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

21. Ông Nguyễn Thiếu S, sinh năm 1967, trú tại tổ dân phố C, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

22. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1972, trú tại Tổ dân phố 4, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

23. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977, trú tại Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

24. Bà Trần Thị N, sinh năm 1935, trú tại Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

25. Bà Nguyễn Thị Hồng Ph, sinh năm 1965, trú tại Thôn 10, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

26. Bà Ngô Thị G, sinh năm 1993, trú tại Tổ dân phố 8, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

27. Bà Phan Thị H, sinh năm 1985, trú tại Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

28. Bà Lưu Thị Thanh H, sinh năm 1978, trú tại Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

29. Bà Phan Thị Ph, sinh năm 1983, trú tại Thôn 6, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

30. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958, trú tại Tiểu khu 10, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

31. Ông Trần Văn T, sinh năm 1957, trú tại Tiểu khu 10, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1972, Chủ tiệm vàng L L, có địa chỉ tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

2. Ông Cao Văn Ng, sinh năm 1962, Chủ tiệm vàng N N, có địa chỉ tại thôn Chợ C, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

3. Bà Trương Thị Hồng V, sinh năm 1961, Chủ tiệm vàng T V, có địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

4. Bà Liêu Tú H, sinh năm 1968, Chủ tiệm vàng H H, có địa chỉ tại Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, Chủ tiệm vàng N H, có địa chỉ tại Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

6. Bà Lê Thị N, sinh năm 1995, (vợ bị cáo Nguyễn Văn H), cư trú tại Tổ dân phố 8, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

7. Ông Lê Văn H, sinh năm 1989, (anh vợ bị cáo Nguyễn Văn H), cư trú tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

8. Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1991, cư trú tại Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

9. Ông Trần Xuân B, sinh năm 1991, cư trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

10. Vũ Ngọc C, sinh năm 1985, cư trú tại Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

11. Ông Hoàng Văn X, sinh năm 1984, cư trú tại Tổ dân phố 7, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

12. Ông Đoàn Mã S, sinh năm 1993, cư trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

13. Ông Bùi Đức H, sinh năm 1989, cư trú tại tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

14. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1968, (mẹ bị cáo Nguyễn Văn T), cư trú tại Tổ dân phố 8, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

15. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1993, (vợ bị cáo Nguyễn Văn T), cư trú tại Tổ dân phố 8, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

16. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1994, (em ruột bị cáo Nguyễn Văn T), cư trú tại Tổ dân phố 8, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

17. Công ty trách nhiệm hữu hạn Giải trí H T, có địa chỉ tại Tổ dân phố 4, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T - Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 (mẹ bị cáo Nguyễn Văn H) trú tại Tổ dân phố 8, phường Quảng P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Tại phiên toà vắng mặt nhiều người bị hại, vắng mặt nhiều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H; người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T, Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vụ án, Hội đồng xét xử thấy các người vắng mặt đều đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, thiệt hại của các người bị hại vắng mặt đã được xác định theo Kết luận điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017, Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Văn H thực hiện 21 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản được định giá: 238.616.841 đồng; ngoài ra Nguyễn Văn T còn thực hiện 9 lần trộm cắp tài sản trị giá: 427.792.920 đồng. Tổng cộng Nguyễn Văn T đã thực hiện 30 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản được định giá là 666.469.761 đồng; Nguyễn Văn H cùng Nguyễn Văn T thực hiện 21 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản được định giá: 238.616.841 đồng. Cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 16/01/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 73K1-082.14 chở Nguyễn Văn H đến khu phố 1, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, thấy quán tạp hóa của chị Liêu Thị Tú L, sinh năm 1966 mở cửa nhưng không có người nên T rủ H trộm cắp tài sản. H đứng chờ ở ngoài đường còn T đi vào trong quán lấy trộm 20 cây thuốc lá hiệu ngựa trắng (WHITE HORSE); 01 thùng thuốc lá hiệu ngựa đen (gồm có 50 cây thuốc). T và H mang toàn bộ số thuốc lá trộm được bán cho Hoàng Văn X (tên thường gọi là H) tại phường Q, thị xã B được số tiền 6.000.000 đồng. T và H đã tiêu xài chung hết số tiền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51 ngày 26/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Ba Đồn, xác định:

- 20 cây thuốc lá hiệu ngựa trắng (WHITE HORSE) trị giá 3.900.000 đồng; 50 cây thuốc lá hiệu ngựa đen (WAR HORSE) trị giá 3.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của chị Liêu Thị Tú L bị chiếm đoạt là: 6.900.000 đồng.

- Lần thứ 2: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 04/5/2017, Nguyễn Văn T đi xe TAXI đến nhà chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1973 ở khu phố 1, phường B, thị xã B lấy trộm 2.000.000 đồng; 02 nhẫn vàng 9999 mỗi cái trọng lượng 1 chỉ; 01 nhẫn "vàng trắng" trọng lượng 0,5 chỉ; 01 sợi dây chuyền "vàng trắng" trọng lượng 3,5 chỉ; 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell rồi thoát ra ngoài đi về nhà. Sau đó T đem bán 02 nhẫn vàng cho chị Nguyễn Thị H là chủ tiệm vàng N H ở khu phố 1, phường B, thị xã B với giá 6.500.000 đồng. T cho Bùi Đức H (tên thường gọi là L trú tại phường B, thị xã B) máy vi tính xách tay hiệu DELL. H đã bán máy cho một người không rõ lai lịch, địa chỉ lấy 3.500.000 đồng. Số tiền lấy trộm và bán tài sản, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định:

- Một máy laptop Dell trị giá 7.000.000 đồng.
- 02 nhẫn vàng 9999 mỗi cái trọng lượng 1 chỉ trị giá 7.030.000 đồng.
- 01 sợi dây chuyền vàng trắng trọng lượng 3,5 chỉ trị giá 5.100.000 đồng.
- 01 nhẫn vàng trắng có đính một viên đá trị giá 1.209.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của chị Nguyễn Thị Kim A bị chiếm đoạt là: 22.339.000 đồng.

Ngày 02/5/2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả 01 nhẫn vàng trắng có đính một viên đá cho chị Nguyễn Thị Kim A.

- Lần thứ 3: Khoảng 19 giờ 00' ngày 11/5/2017, Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô BKS: 73K1-082.14 chở H đi đến nhà chị Lê Thị H, sinh năm 1968 thuộc khu phố 1, phường B, thị xã B lấy trộm cắp tài sản. Nhìn thấy cửa sổ đang mở T và H cầm hai thanh sắt gần cửa sổ,

cạy gãy một song cửa sổ bằng gỗ, rồi mở cửa bếp cho T vào lấy trộm: 1.000.000 đồng; 30 hộp yến sào; 36 lọ sữa Ensua (nhỏ và to); 45 cây thuốc lá (ngựa trắng: 15 cây; ngựa đen: 30 cây); 3 cây thuốc lá hiệu 555 do Việt Nam sản xuất; 1 cây thuốc lá hiệu DUNHIU; Thẻ cào điện thoại các loại trị giá 400.000 đồng.

Tài sản lấy trộm được, T và H bán cho Hoàng Văn X ở Tổ dân phố 7, phường Q, thị xã B lấy số tiền 7.300.000 đồng và sử dụng hết số tiền. Hoàng Văn X đã bán hết số tài sản trên cho khách.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 52 ngày 26/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, xác định: 30 hộp yến sào trị giá 990.000 đồng; 36 lọ sữa Ensua (cả 02 loại nhỏ và to) trị giá 1.422.000 đồng; 45 cây thuốc lá (ngựa trắng và đen) trị giá 4.950.000 đồng; 03 cây thuốc lá 555 do Việt Nam sản xuất trị giá 780.000 đồng; 1 cây thuốc lá DUNHIU trị giá 260.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của chị Lê Thị H bị chiếm đoạt là: 9.802.000 đồng.

- Lần thứ 4: Khoảng 20 giờ ngày 21/5/2017, Nguyễn Văn T mang theo vam phá khóa mà T nhặt được trước đó rồi điều khiển xe mô tô BKS: 73K1-082.14 chở Nguyễn Văn H đi đến thôn 2, xã B, huyện B. Thấy đám cưới ở gần đường Quốc lộ 1A thuộc địa phận thôn 2, xã B, huyện B có nhiều xe mô tô dựng trước cửa. T xuống xe đi bộ đến nơi để xe của đám cưới, dùng vam phá khóa xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS, màu sơn đỏ đen, mang BKS: 73E1-110.90 rồi điều khiển xe đi về phường Q, thị xã B. T gọi điện thông báo và H điều khiển xe mô tô BKS: 73K1-082.14 đi theo T. Sau đó T tháo biển kiểm soát xe mô tô lấy trộm được vứt xuống cầu Q thuộc thị xã B rồi giao xe cho H sử dụng. Sau đó H cho Trần Xuân B ở phường Q, thị xã B dụng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã thu giữ, giám định và xác định xe mô tô 73E1-110.90, chủ phương tiện là Đoàn Văn T trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B. Ngày 15/01/2014, T bán xe cho anh Đoàn Văn V trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B. Ngày 21/5/2017, anh V cho anh Trần Văn H trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B mượn để sử dụng và bị T, H lấy trộm. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 495 ngày 08/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND tỉnh Quảng Bình, xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS màu sơn đỏ đen. Số khung 971418, số máy 971452 trị giá: 6.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của anh Đoàn Văn V bị chiếm đoạt là: 6.000.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình đã trả xe mô tô cho chủ sở hữu.

- Lần thứ 5: Khoảng 15 giờ ngày 11/6/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 73K1-082.14 đi đến nhà chị Nguyễn Thị Tố L, sinh năm 1986 thuộc khu phố 6, phường B, thị xã B lấy trộm tài sản tại phòng ngủ, gồm 4.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng, trọng lượng 5 chỉ, có mặt chum bằng các hạt

ngọc tròn; 01 nhẫn tròn bằng vàng 9999 01 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng vàng trắng, dạng dây xích xoắn, có mặt dây chuyền hình túi, đính đá màu trắng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng tây, kiểu hai dây xoắn vào nhau, mặt dây chuyền có hình chiếc dép tông, trên dép có đính 1 hạt ngọc nhỏ; 01 cái nhẫn bằng vàng trắng có đính đá; 01 lắc đeo tay bằng vàng trắng; 01 đôi khuyên tai, hình trái tim có đính hạt ngọc; 01 mặt dây chuyền hình chiếc giày, đính ngọc màu trắng, có lỗ xuyên để đeo dây; 01 vật trang sức bằng kim loại vàng 10K, gồm nhiều hạt ngọc màu trắng gắn vào nhau hình chữ S, các hạt ngọc gắn theo thứ tự từ to đến nhỏ; 01 dây chuyền bằng bạc.

T bán cho chị Nguyễn Thị H (là chủ tiệm vàng N H ở khu phố 1, phường B, thị xã B) 01 sợi dây chuyền bằng vàng 9999 được 16.000.000 đồng; 01 nhẫn tròn bằng vàng 9999 01 chỉ được 3.200.000 đồng. Tài sản còn lại T cất giữ ở nhà. T tiêu xài cá nhân hết toàn bộ số tiền trộm được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 50 ngày 26/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Ba Đồn, xác định: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 9999, trọng lượng 5 chỉ, có mặt chum bằng các hạt ngọc tròn trị giá: 17.200.000 đồng; 01 nhẫn tròn bằng vàng 9999 01 chỉ trị giá 3.440.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 1253/TC-GCS ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Bình xác định: 01 sợi dây chuyền bằng vàng trắng, dạng dây xích xoắn, có mặt dây chuyền hình túi, đính đá màu trắng trị giá 8.363.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng tây, kiểu hai dây xoắn vào nhau, mặt dây chuyền có hình chiếc dép tông, trên dép có đính 1 hạt ngọc nhỏ trị giá 6.866.000 đồng; 01 cái nhẫn bằng vàng trắng có đính đá trị giá 4.274.000 đồng; 01 lắc đeo tay bằng vàng trắng trị giá 107.000 đồng; 01 đôi khuyên tai hình trái tim có đính hạt ngọc trị giá 674.000 đồng; 01 mặt dây chuyền hình chiếc giày đính ngọc màu trắng, có lỗ xuyên để đeo dây trị giá 2.089.000 đồng; Một vật trang sức bằng kim loại vàng 10K, gồm nhiều hạt ngọc màu trắng gắn vào nhau hình chữ S, các hạt ngọc gắn theo thứ tự từ to đến nhỏ trị giá 18.252.000 đồng; 01 dây chuyền bằng bạc trị giá 137.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của chị Nguyễn Thị Tố L bị chiếm đoạt là: 65.402.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả cho chị Nguyễn Thị Tố L: 01 sợi dây chuyền bằng vàng trắng, dạng dây xích xoắn, có mặt dây chuyền hình túi, đính đá màu trắng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng tây, kiểu hai dây xoắn vào nhau, mặt dây chuyền có hình chiếc dép tông, trên dép có đính 1 hạt ngọc nhỏ; 01 cái nhẫn bằng vàng trắng có đính đá; 01 lắc đeo tay bằng vàng trắng; 01 đôi khuyên tai, hình trái tim có đính hạt ngọc; 01 mặt dây chuyền hình chiếc giày, đính ngọc màu trắng, có lỗ xuyên để đeo dây; Một vật trang sức bằng

kim loại vàng 10K, gồm nhiều hạt ngọc màu trắng gắn vào nhau hình chữ S, các hạt ngọc gắn theo thứ tự từ to đến nhỏ; 01 dây chuyền bằng bạc.

Chị L không yêu cầu bồi thường những tài sản còn lại.

- Lần thứ 6: Khoảng 8 giờ ngày 16/6/2017, Nguyễn Văn T mang theo cưa gấp rồi điều khiển xe mô tô BKS: 73K1-082.14 đi đến nhà chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985 ở tổ dân phố C, phường Q, thị xã B trộm cắp tài sản tiền 4.000.000 đồng (trong lợn đất) ở phòng ngủ sau đó thoát ra ngoài theo lối đã đột nhập và đi về nhà. T thấy 01 máy vi tính xách tay nhãn hiệu SONY để ở trên bàn nhưng không lấy trộm. Khi về nhà, T rủ H đi lấy trộm máy vi tính. T điều khiển xe BKS: 73K1-082.14 chở H đến nhà chị H. H chờ ở ngoài, T nhảy vào trong theo lối cũ lấy trộm máy vi tính xách tay nhãn hiệu SONY rồi cùng với H đi về nhà.

T và H bán máy vi tính cho một tiệm cầm đồ không nhớ địa chỉ tại thành phố Đồng Hới được 4.000.000 đồng rồi chia đôi số tiền tiêu xài cá nhân. Số tiền 4.000.000 đồng có trong lợn đất T sử dụng tiêu xài cá nhân.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 47 ngày 25/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Ba Đồn, xác định: 01 máy vi tính xách tay nhãn hiệu Sony, trị giá: 14.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của chị Nguyễn Thị Thu H bị chiếm đoạt là 18.000.000 đồng. Trong đó T chiếm đoạt 11.000.000 đồng, H chiếm đoạt 7.000.000 đồng.

- Lần thứ 7: Khoảng 8 giờ ngày 28/6/2017, Nguyễn Văn T đi xe TAXI từ nhà T đến nhà của chị Trương Thị Ng, sinh năm 1979 ở tổ dân phố M, phường Q, thị xã B. T nhảy qua hàng rào vào sân nhà, lấy dao ở kho sau nhà cạy gãy hai thanh song cửa sổ bằng gỗ rồi đột nhập vào trong nhà. T thấy có két sắt ở trong phòng ngủ nên dùng dao cạy phá cửa két sắt lấy trộm: 01 sợi dây chuyền làm bằng vàng 9999 trọng lượng 3 chỉ; 01 lắc đeo tay vàng tây trọng lượng 2 chỉ; 02 nhẫn tròn làm bằng vàng 9999 mỗi cái có trọng lượng 1 chỉ; 01 dây chuyền bằng vàng tây trọng lượng 1 chỉ; 01 nanh heo rừng; 03 tờ USD (Đô la Mỹ) mệnh giá mỗi tờ 1 USD; 03 tờ kíp Lào, mệnh giá mỗi tờ 1.000 kíp; 01 tờ kíp Lào, mệnh giá 2.000 kíp; 01 tờ kíp Lào, mệnh giá 5.000 kíp; 01 tờ tiền Nga, mệnh giá 10 Rúp; 01 tờ tiền Nga, mệnh giá 100 Rúp. Tiến cất tài sản trộm được vào túi quần rồi đi ra cửa bếp, trèo qua hàng rào và gọi xe TAXI để về nhà.

T bán sợi dây chuyền làm bằng vàng 9999 cho ông Ngô Tuấn T, sinh năm 1957, chủ cửa hàng vàng bạc T V ở Chợ C thuộc xã T, huyện T được số tiền 10.000.000 đồng. T bán lắc tay bằng vàng tây cùng hai nhẫn vàng tại cửa hàng không nhớ địa chỉ. Dây chuyền vàng tây, nanh heo rừng, tiền ngoại tệ T cất giấu ở trong nhà. T sử dụng hết tiền bán vàng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xác định (một) dây chuyền 03 chỉ bằng vàng 9999 trị giá 10.560.000 đồng; 01(một) lắc đeo tay vàng tây 02 chỉ trị giá 5.000.000đồng; 02(hai) nhẫn tròn mỗi cái 01 chỉ vàng 9999 trị giá 7.040.000 đồng; 01 nanh heo rừng bọc bạc, răng thẳng trị giá 200.000 đồng; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng trị giá 1.017.000 đồng.

Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Quảng Bình, xác định tỉ giá ngoại tệ: 03 tờ USD (đô la Mỹ), mỗi tờ mệnh giá 1 USD, tổng trị giá 67.299 VNĐ; 03 tờ tiền Lào mệnh giá mỗi tờ 1.000 kíp, 01 tờ mệnh giá 2.000 kíp Lào, 01 tờ mệnh giá 5.000 kíp Lào, tổng: 10.000 kíp Lào bằng 27.200 VNĐ; 01 tờ tiền Rup Nga, mệnh giá 10 Rúp, 01 tờ tiền Rup Nga mệnh giá 100 Rúp, tổng: 110 Rúp bằng 41.421,6 VNĐ.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt của chị Trương Thị Ng là 23.952.920 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng cho chị Trương Thị Ng; 03 tờ USD (đô la Mỹ) mỗi tờ mệnh giá 1 USD; 02 tờ tiền Lào mỗi tờ mệnh giá 1.000 kíp; 01 tờ tiền Lào mệnh giá 2.000 kíp; 01 tờ tiền Rup Nga, mệnh giá 10 Rúp, 01 tờ tiền Rup Nga mệnh giá 100 Rúp.

- Lần thứ 8: Khoảng 9 giờ ngày 13/7/2017, Nguyễn Văn T mang theo xà cạy và cưa gấp rồi đi xe TAXI từ nhà T đến nhà chị Đậu Thị Ph, sinh năm 1981 ở tổ dân phố C, phường Q, thị xã B lấy trộm tài sản trong phòng ngủ, gồm: tiền 1.000.000 đồng; 01 nhẫn tròn bằng vàng 9999 trọng lượng 1 chỉ; 01 lắc đeo chân bằng vàng tây (18K). T cất tài sản trộm được vào túi quần rồi lấy dao ở bếp và sử dụng thanh xà cạy để cạy phá két sắt, nhưng không có tài sản.

T bán những tài sản trên cho bà Nguyễn Thị H, chủ tiệm vàng N H ở khu phố 1, phường B, thị xã B, tiền bán nhẫn vàng được 3.300.000 đồng, không nhớ số tiền bán Lắc đeo chân. Số tiền bán được T tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 1252/TC-GCS ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Quảng Bình xác định: 01 (một) nhẫn vàng hình tròn, loại 9999, trọng lượng 01 chỉ trị giá 3.430.000 đồng; 01 (một) lắc đeo chân bằng vàng tây, trọng lượng 2 chỉ trị giá 5.145.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản của chị Đậu Thị Ph bị chiếm đoạt là: 9.575.000 đồng.

- Lần thứ 9: Khoảng 18 giờ ngày 20/7/2017, Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô mang BKS: 73K1 - 082.14 chở H đi đến nhà chị Đậu Thị Ph ở phường Q, thị xã B để trộm cắp tài sản. H đứng ngoài cảnh giới, T nhảy qua hàng rào vào nhà lấy trộm tại phòng ngủ một máy vi tính

xách tay nhãn hiệu DELL và 800.000 đồng trong con heo đất đựng tiền tiết kiệm. T thoát ra ngoài theo lối đã đột nhập rồi cả hai đi về nhà.

T và H mang máy vi tính xách tay đến bán cho một tiệm mua bán máy tính cũ ở thành phố Đồng Hới (không rõ địa chỉ) được số tiền 1.000.000 đồng. T và H tiêu xài chung hết số tiền trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 49 ngày 25/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Ba Đồn, xác định: Máy tính DELL màu đen trị giá: 8.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của chị Đậu Thị Ph bị chiếm đoạt là: 8.800.000 đồng.

- Lần thứ 10: Khoảng 09 giờ ngày 21/7/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô mang BKS: 73K1-082.14 mang theo thanh xà cạy và một cái kéo đi từ nhà T đến nhà của bà Nguyễn Thị C ở Khu phố 6, phường B, thị xã B. T nhảy qua hàng rào trước nhà rồi đi bộ ra phía sau và thò tay mở chốt cửa của cánh cửa có lưới B40 vào trong nhà. T thấy có két sắt ở phòng ngủ nên xuống bếp lấy một con dao và sử dụng với thanh xà cạy để mở cửa két sắt lấy trộm những tài sản sau: 01 (một) dây chuyền vàng đeo cổ, trọng lượng 5 chỉ, đính kèm mặt dây chuyền hình tròn có trọng lượng 1 chỉ, loại vàng 24K; 01 (một) dây chuyền đeo cổ, trọng lượng 3 chỉ, loại vàng 18K, dạng xích, kèm theo mặt dây chuyền hình tròn, xung quanh viền vàng, có viên đá màu trắng ở giữa; 01 (một) nhẫn hình tròn, trọng lượng 2 chỉ, loại vàng 24K, (có đính đá màu xanh); 01 (một) nhẫn hình tròn, trọng lượng 1 chỉ, loại vàng 24K; 01 (một) lắc vàng đeo tay, trọng lượng 5 chỉ, loại vàng 24K, loại mắt xích giống kiểu quai đồng hồ. Tiến lục tìm lấy trộm số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 8.000.000 đồng ở tủ gỗ trong phòng ngủ rồi ra ngoài đi về nhà.

T bán lắc vàng đeo tay cho chị Nguyễn Thị H chủ tiệm vàng N H ở Khu phố 1, phường B, thị xã B được số tiền 16.700.000 đồng và 01 nhẫn hình tròn có đính đá màu xanh bán được bao nhiêu tiền T không nhớ rõ. Bán dây chuyền vàng đeo cổ, đính kèm mặt dây chuyền hình tròn cho tiệm vàng L ở xã Q, thị xã B được số tiền 17.400.000 đồng và 01 nhẫn hình tròn, trọng lượng 1 chỉ được số tiền 3.200.000 đồng. Dây chuyền đeo cổ, dạng xích, kèm theo mặt dây chuyền hình tròn, xung quanh viền vàng, có viên đá màu trắng ở giữa T đưa cho mẹ là bà Nguyễn Thị Ph sử dụng. Số tiền có được T sử dụng, tiêu xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, xác định: 01 dây chuyền vàng đeo cổ, trọng lượng 5 chỉ, đính kèm mặt dây chuyền hình tròn có trọng lượng 1 chỉ, loại vàng 24K, tổng trọng lượng 6 chỉ, trị giá dây chuyền là 17.000.000 đồng, mặt dây chuyền là 3.400.000 đồng; 01 nhẫn hình tròn, trọng lượng 2 chỉ, loại vàng 24K, (có đính đá màu xanh) trị giá 6.800.000 đồng; 01 nhẫn hình tròn, trọng lượng 1 chỉ, loại vàng 24K trị giá

3.400.000 đồng; 01 (một) lắc vàng đeo tay, trọng lượng 5 chỉ, loại vàng 24K, loại mắt xích giống kiểu quai đồng hồ trị giá 17.000.000 đồng; 01 dây chuyền đeo cổ, trọng lượng 3 chỉ, loại vàng 18K, dạng xích, kèm theo mặt dây chuyền hình tròn, xung quanh viền vàng, có viên đá màu trắng ở giữa trị giá 5.113.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của bà Nguyễn Thị C bị chiếm đoạt là: 60.713.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả 01 dây chuyền đeo cổ, trọng lượng 3 chỉ, loại vàng 18K, dạng xích, kèm theo mặt dây chuyền hình tròn, xung quanh viền vàng, có viên đá màu trắng ở giữa cho bà Nguyễn Thị C.

- Lần thứ 11: Khoảng 19 giờ 30’ ngày 21/7/2017, Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản. T và H mang theo thanh xà cạy được đựng trong túi vải rồi đi xe TAXI đến nhà chị Nguyễn Thị Tố L, sinh năm 1986 thuộc Khu phố 6, phường B, thị xã B lấy trộm. H lấy 01 cái bật lửa hiệu Zippo màu vàng, một bộ 3 tượng gỗ khắc hình Phúc-Lộc-Thọ và một sợi dây chuyền bạc tại phòng khách. T lấy trộm một cái gạt tàn thuốc lá bằng nhựa rồi cả hai thoát ra ngoài đi về nhà.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Quảng Bình xác định tại thời điểm bị mất trộm: 690.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả một bộ 3 tượng gỗ khắc hình Phúc-Lộc-Thọ cho chị Nguyễn Thị Tố L. Chị L không yêu cầu bồi thường những tài sản còn lại.

- Lần thứ 12: Khoảng 9 giờ ngày 09/8/2017, Nguyễn Văn T mang theo một thanh xà cạy đựng trong túi vải màu trắng, đi xe TAXI đến nhà bà Hồ Thị L ở khu phố 5, phường B, thị xã B thấy cửa nhà mở nên đột nhập vào trong nhà và thấy két sắt trong phòng ngủ, T lấy dao ở bếp bà L, sử dụng với thanh xà cạy để phá két, lấy số tiền 40.000.000 đồng và những tài sản: 05 (năm) chỉ vàng 9999, gồm 4 nhẫn hình tròn loại 1 chỉ và 2 nhẫn hình tròn loại 5 phân; 0,5 chỉ vàng tây, có hình lục giác, phía trên có in hình lôgô Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Toàn bộ số vàng lấy trộm được T bán cho Nguyễn Thị H chủ tiệm vàng N H ở Khu phố 1, phường B, thị xã B.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Ba Đồn xác định: 4 nhẫn hình tròn loại 1 chỉ, vàng 9999 trị giá: 14.080.000 đồng; 2 nhẫn hình tròn loại 05 phân trị giá: 3.520.000 đồng; 0,5 chỉ vàng tây trị giá: 1.250.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt của bà Hồ Thị L là 58.850.000 đồng.

- Lần thứ 13: Khoảng 11 giờ ngày 20/8/2017, Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản. T mang theo thanh xà cạy, cưa gấp rồi điều khiển xe mô tô mang BKS: 73K1-082.14 chở H đến nhà chị Nguyễn Thị L ở tổ dân phố T, phường Q, thị xã B lấy trộm tiền VNĐ 1.000.000 đồng ở trong 02 con lợn đựng tiền tiết kiệm. H lấy dao ở bếp rồi kết hợp với thanh xà cạy, phá két sắt lấy trộm những tài sản gồm: 01 nhẫn hình tròn được làm bằng vàng 9999, trọng lượng 1 chỉ; 01 nhẫn hình tròn được làm bằng vàng tây (18K), trọng lượng 0,5 chỉ; 01 răng hổ; 01 mặt tượng Quan âm bồ tát, làm bằng ngà voi, viền ngoài bọc bạc, hình bầu dục; 01 hạt hình tròn bằng ngà voi.

T lấy trộm 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Sony Z2, màu đen, số IMEI 352494061057518 nhưng H không biết.

T bán 02 nhẫn hình tròn cho Nguyễn Thị H là chủ tiệm vàng N H ở Khu phố 1, phường B, thị xã B được bao nhiêu tiền T không nhớ nhưng T và H sử dụng chung số tiền bán được. 01 mặt tượng Quan âm bồ tát và 01 hạt hình tròn làm bằng ngà voi H cất giữ tại nhà. 01 răng hổ H bán cho Nguyễn Tiến Đ (trú tại khu phố 1, phường B, thị xã B) 3.000.000 đồng. T và H tiêu xài chung hết số tiền trên.

Máy điện thoại di động nhãn hiệu Sony Z2 T đưa cho H sử dụng sau khi lấy trộm được một thời gian. H đưa cho anh vợ của H tên là Lê Văn H (trú tại xã Q, thị xã B) sử dụng.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, xác định: 01 nhẫn hình tròn được làm bằng vàng 9999, trọng lượng 1 chỉ trị giá 3.460.000 đồng; 01 nhẫn hình tròn được làm bằng vàng tây (18K), trọng lượng 0,5 chỉ trị giá 900.000 đồng; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Sony Z2, màu đen, số IMEI 352494061057518 trị giá 1.600.000 đồng; 01 răng hổ, phía trên bọc bạc, bên trong lớp bạc có khoan 1 lỗ trị giá: 1.017.000 đồng; 01 mặt tượng Quan âm bồ tát, làm bằng ngà voi, viền ngoài bọc bạc, trị giá: 760.000 đồng; 01 hạt hình tròn bằng ngà voi trị giá: 40.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của chị Nguyễn Thị L bị chiếm đoạt là: 8.770.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả 01 răng hổ, phía trên bọc bạc, bên trong lớp bạc có khoan 1 lỗ; 01 mặt tượng Quan âm bồ tát, làm bằng ngà voi, viền ngoài bọc bạc; 01 hạt hình tròn bằng ngà voi; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Sony Z2, màu đen, số IMEI 352494061057518 cho chị Nguyễn Thị L.

- Lần thứ 14: Khoảng 19h ngày 22/8/2017, Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản. T và H mang theo thanh xà cạy đựng trong túi vải màu trắng rồi gọi xe TAXI đi đến nhà chị Võ Thị Thúy H, sinh năm 1976 ở Khu phố 6, phường B, thị xã B lấy trộm tài sản. T và H trèo qua hàng rào lưới B40 rồi dùng thanh xà cạy phá gãy một song cửa sổ làm bằng sắt rồi T và H luồn vào

trong. Tại phòng ngủ, T lấy số tiền 20.000 đồng. H lấy 01 đồng hồ đeo tay loại nữ ở phòng khách, rồi cả hai ra ngoài theo lối cũ và gọi xe TAXI đi về nhà. H giữ đồng hồ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 39 ngày 11/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Ba Đồn, xác định: 01 đồng hồ đeo tay, loại nữ, làm bằng kim loại màu vàng, mặt hình chữ nhật, nền mặt bên trong màu đen, hiệu CARAVELLE trị giá 2.450.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại tài sản của chị Võ Thị Thúy H bị chiếm đoạt là: 2.470.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả 01 đồng hồ đeo tay, cho chị Võ Thị Thúy H. Chị H không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Ngoài những tài sản bị mất trên, chị Võ Thị Thúy H khai báo còn bị mất trộm số tiền 1.100.000 đồng được con của chị bỏ ở cặp trong phòng để đồ của gia đình, nhưng không chứng minh được. Quá trình điều tra, đã tiến hành đối chất nhưng không đủ căn cứ để xác định T và H chiếm đoạt số tiền 1.100.000 đồng.

- Lần thứ 15: Khoảng 14 giờ 30’ ngày 24/8/2017, Nguyễn Văn T mang theo thanh xà cạy được đựng trong túi vải màu trắng, đi xe TAXI từ nhà T đến nhà của ông Phan Hải Ph, sinh năm 1962, thuộc Khu phố 1, phường B, thị xã B để trộm cắp tài sản. T dùng thanh xà cạy để cạy phá song cửa sổ để đột nhập vào trong nhà, phá cửa phòng ngủ lấy trộm số tiền 30.000.000 đồng ở tủ gỗ. Số tiền chiếm đoạt được, T sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 16: Khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày 07/9/2017, T và H vào nhà ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1961, ở Tiểu khu 10, thị trấn H, huyện B trộm cắp tài sản. T mở cửa hông vào phòng ngủ, T và H cạy phá cửa két sắt lấy: 01 nhẫn tròn bằng vàng 9999, mặt vuông, dạng nhẫn tam cấp trọng lượng 02 chỉ; 02 nhẫn tròn trơn, bằng vàng 9999, trọng lượng mỗi cái 01 chỉ; 01 lắc tay bằng vàng 9999, dạng mắt xích, trọng lượng 03 chỉ; 0,3kg củ nhân sâm; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J2 màu vàng và 1.500.000 đồng. Nguyễn Văn T giữ 0,3kg nhân sâm; điện thoại di động SamSung Galaxy J2, T đưa cho bà Nguyễn Thị Ph sử dụng, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã thu giữ.

01 nhẫn tròn trơn, bằng vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ bán cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, trú tại khu phố 3, phường B, thị xã B (chủ tiệm vàng N H được 3.300.000 đồng. Nguyễn Văn H giữ 01 nhẫn vàng 9999, mặt vuông, trọng lượng 02 chỉ, mang đến tiệm vàng N H bán được với giá 4.500.000 đồng; 01 lắc tay bằng vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ T và H bán cho ông Cao Văn Ng ở Chợ C, xã T (tiệm vàng N N) với số tiền 10.500.000 đồng; 01 nhẫn trơn tròn, bằng vàng bán cho ông Ngô Tuấn T, sinh năm 1957, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình với giá 3.500.000 đồng. Tổng số tiền bán được 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) T H sử dụng chung.

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bố Trạch Kết luận tổng thiệt hại tài sản có giá tại thời điểm ngày 07/9/2017 là: 28.360.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SamSung J2, màu vàng cho ông Phạm Ngọc V.

- Lần thứ 17: Khoảng 10 giờ ngày 26/9/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô mang BKS: 73K1- 082.14 chở Nguyễn Văn H đột nhập vào nhà của anh Nguyễn Thành V, sinh năm 1983 ở Tổ dân phố 5, phường B, thành phố Đ lấy trộm một sợi dây chuyền bằng bạc trọng lượng 03 cây, có đeo 1 móng hổ được bịt bạc; 01 điện thoại di động hiệu FPT loại bàn phím bấm ở phòng ngủ. T và H dùng thanh xà beng và dao lấy trong bếp để cạy phá, mở két sắt lấy trộm: 01 kiềng vàng 9999 loại đeo cổ trọng lượng 2 chỉ; 01 lắc đeo tay bằng vàng 9999 trọng lượng 2,5 chỉ; 01 lắc tay vàng tây (18k) trọng lượng 2,5 chỉ.

01(một) kiềng vàng 9999 loại đeo cổ trọng lượng 2 chỉ sau khi lấy trộm, H bán cho một cửa hàng vàng bạc ở chợ Ba Đồn, thị xã Ba Đồn (H không nhớ rõ địa chỉ cụ thể và tên cửa hàng) được số tiền 6.000.000 đồng; 01 lắc đeo tay bằng vàng 9999 trọng lượng 2,5 chỉ T bán cho chị Nguyễn Thị H (chủ tiệm vàng N H ở Khu phố 1, phường B, thị xã B) được số tiền 7.000.000 đồng; 01 lắc tay vàng tây (18k) trọng lượng 2,5 chỉ T bán cho Ngô Ngọc L (nhân viên tại tiệm vàng N H được 3.500.000 đồng; Cả hai tiêu xài chung toàn bộ số tiền có được từ việc bán vàng. H giữ sợi dây chuyền bằng bạc trọng lượng 03 cây, có đeo 1 móng hổ được bịt bạc; T giữ 01 máy điện thoại di động hiệu FPT loại bàn phím bấm.

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự định giá Kết luận tổng giá trị tài sản của anh Nguyễn Thành V bị chiếm đoạt tại thời điểm mất trộm là: 23.918.341đồng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả sợi dây chuyền bằng bạc trọng lượng 03 cây; 1 móng hổ được bịt bạc; 01 máy điện thoại di động hiệu FPT loại bàn phím bấm cho anh Nguyễn Thành V.

- Lần thứ 18: Khoảng 19 giờ 00’ ngày 05/10/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 73K1-082.14 chở Nguyễn Văn H đến nhà của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 ở Khu phố 1, phường B, thị xã B, cả hai vào nhà. H lấy trộm 02 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu JULIUS và ORIENT trên tủ gỗ ép sau đó giao cho H cất giữ 02 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu JULIUS và ORIENT.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xác định: Đồng hồ đeo tay hiệu JULIUS trị giá 400.000 đồng; đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ORIENT trị giá 3.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của chị Nguyễn Thị H bị chiếm đoạt là: 3.800.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả đồng hồ đeo tay hiệu JULIUS và đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ORIENT cho chị Nguyễn Thị H.

- Lần thứ 19: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11/10/2017, Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản, sử dụng xe mô tô mang BKS: 73K1 - 082.14 (xe mô tô của Nguyễn Văn T), đến nhà ông Võ Xuân Q, sinh năm 1971, trú tại thôn T, xã C, huyện B. Quan sát thấy nhà ông Q đóng cửa, không có người, T dùng một cây kéo nhỏ cạy mở chốt cửa chính và cùng H đi vào trong để lục tìm tài sản, cạy phá két sắt lấy trộm được số tài sản trong két sắt gồm: 01 (một) dây chuyền vàng 9999, trọng lượng 5 chỉ; 01 (một) lắc tay bằng vàng 9999, trọng lượng 5 chỉ; 01 (một) nhẫn vàng 9999, mặt vuông, trọng lượng 2 chỉ; 01 (một) đôi bông tai bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 25.000.000 đồng.

T được chia số tài sản như sau: 01 (một) lắc tay bằng vàng 9999, trọng lượng 5 chỉ, T đã mang bán tại tiệm vàng T A ở chợ Ba Đồn với giá 16.5000.000 đồng.

H được chia:

- 01 (một) nhẫn vàng 9999, loại mặt vuông, trọng lượng 2 chỉ, H mang bán cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, trú tại Khu phố 3, phường B, thị xã B chủ tiệm vàng N H ở chợ Ba Đồn với giá 6.500.000 đồng.

- 01 (một) dây chuyền bằng vàng 9999, trọng lượng 5 chỉ H bán tại tiệm vàng N H với giá 16.400.000 đồng.

- 01 (một) đôi khuyên tai bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ H đưa về cho vợ tên Lê Thị N sử dụng, chị Lê Thị N đã giao nộp đồ vật trên cho Cơ quan điều tra.

- Số tiền 25.000.000 đồng, T lấy 10.000.000 đồng, H lấy 10.000.000 đồng, 5.000.000 đồng T và H sử dụng tiêu xài chung.

Ngày 05/1/2017 Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bố Trạch định giá, kết luận: Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt tại thời điểm ngày 11/10/2017 là: 67.410.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả cho ông Võ Xuân Q 01 (một) đôi khuyên tai bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ.

- Lần thứ 20: Khoảng 08 giờ ngày 23/10/2017, Nguyễn Văn T mang thanh xà cạy đựng trong túi vải màu trắng, điều khiển xe mô tô mang BKS: 73K1-082.14 đến nhà anh Trần Tiến D, sinh năm 1971 ở Khu phố 6, phường B, thị xã B lấy trộm một máy điện thoại di động ở phòng ngủ. Sau đó T lấy dao ở bếp (loại dao Thái Lan) sử dụng với xà cạy phá két sắt lấy trộm 55.000.000 đồng rồi ra ngoài bằng lối cũ đi về nhà. T sử dụng toàn bộ số tiền chiếm đoạt được để tiêu xài cá nhân. T cho Nguyễn Văn H sử dụng chiếc điện thoại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NEO7, số IMEI 861927039527017 trị giá 2.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt là: 57.800.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NEO7, số IMEI 861927039527017 cho anh Trần Tiến D.

- Lần thứ 21: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/10/2017, Nguyễn Văn T mang thanh xà cạy và cưa gấp được đựng trong túi vải màu trắng, điều khiển xe mô tô BKS: 73K1-082.14 đến nhà bà Hoàng Thị L thuộc Khu phố 4, phường B, thị xã B để trộm cắp tài sản. T cưa song cửa sổ bằng gỗ rồi đột nhập vào trong nhà lấy trộm được một sợi dây chuyền được làm bằng bạc có mặt tượng hình con bọ cạp; tiền 3.000.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 9999, mặt dây hình bầu dục gắn đá màu xanh, xung quanh viền vàng có các hoa văn dạng như cánh hoa, trọng lượng 6,5 chỉ; 01 dây chuyền loại vàng ý, có gắn mặt ngọc hình bầu dục màu trắng, xung quanh viền có các hạt ngọc nhỏ màu trắng, trọng lượng 01 cây; 01 nhẫn hình tròn, vàng 9999, có đính đá màu xanh phía trên, hình bầu dục, trọng lượng 2,5 chỉ. T cất tài sản vào túi quần rồi thoát ra ngoài theo đường cũ và đi về nhà.

Số tài sản lấy trộm được T đem bán cho bà Nguyễn Thị H chủ tiệm vàng N H ở Khu phố 1, phường B, thị xã Ba Đồn: 01 nhẫn hình tròn, vàng 9999, có đính đá màu xanh phía trên, hình bầu dục, trọng lượng 2,5 chỉ bán lấy số tiền 6.000.000 đồng; bán cho Nguyễn Tiến L là chủ tiệm vàng L L ở xã Q, thị xã B: 01 dây chuyền vàng ta, mặt dây hình bầu dục gắn đá màu xanh, xung quanh viền vàng có các hoa văn dạng như cánh hoa, trọng lượng 6,5 chỉ, lấy số tiền 17.000.000 đồng; bán cho Hoàng Văn H, trú tại xã Q, thị xã B: 01 dây chuyền loại vàng ý, có gắn mặt ngọc hình bầu dục màu trắng, xung quanh viền có các hạt ngọc nhỏ màu trắng, trọng lượng 01 cây và sợi dây chuyền được làm bằng bạc có mặt tượng hình con bọ cạp được 4.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, xác định:

- 01 nhẫn hình tròn, vàng ta, có đính đá màu xanh phía trên, hình bầu dục, trọng lượng 2,5 chỉ trị giá 8.675.000 đồng.

- 01 dây chuyền vàng ta, mặt dây hình bầu dục gắn đá màu xanh, xung quanh viền vàng có các hoa văn dạng như cánh hoa, trọng lượng 6,5 chỉ trị giá 22.555.000 đồng.

- 01 dây chuyền loại vàng ý, có gắn mặt ngọc hình bầu dục màu trắng, xung quanh viền có các hạt ngọc nhỏ màu trắng, trọng lượng 01 cây trị giá 22.800.000 đồng.

- Sợi dây chuyền được làm bằng bạc có mặt tượng hình con bọ cạp trị giá 375.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn T chiếm đoạt là: 57.405.000 đồng.

Ngoài số tài sản bị T và H chiếm đoạt nêu trên bà Hoàng Thị L còn khai bị mất trộm: Tiền Việt Nam 25.000.000 đồng; 08 miếng vàng SJC 9999, mỗi miếng có trọng lượng 01 cây, trị giá khoảng 322.000.000 đồng; 01 nhẫn tròn bằng vàng tây, trọng lượng 01 chỉ, bị nứt gãy. Quá trình điều tra bà L khai không rõ có bị mất trộm hay không, bà không chắc chắn là số vàng này bị mất vào thời điểm nào. Vì vậy chưa đủ cơ sở để kết luận Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H chiếm đoạt số tài sản nói trên.

- Lần thứ 22: Khoảng 15 giờ ngày 28/10/2017, Nguyễn Văn T đi xe TAXI đến nhà anh Nguyễn Thiếu S, sinh năm 1967 ở tổ dân phố C, phường Q, thị xã B lấy trộm một số tài sản tại tầng 2 gồm (01) sợi dây chuyền bằng kim loại vàng tây (18K) cùng số tiền 2.000.000 đồng để trong phòng ngủ. T xuống tầng 1 lấy dao và một cái kéo để cạy phá két sắt nhưng không được sau đó đi về nhà. Số tiền trộm được T đem tiêu xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số 1253/TC-GCS ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Quảng Bình, xác định:

- 01 dây chuyền vàng tây, mặt dây chuyền hình tròn, có gắn 09 viên đá nhỏ không màu và miếng kim loại màu trắng có gắn một viên đá hình bầu dục, trọng lượng 9,23 gam (tính cả đá) trị giá 6.666.000 đồng.Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt là: 8.666.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả 01 dây chuyền cho anh Nguyễn Thiếu S, anh Nguyễn Thiếu S không yêu cầu bồi thường.

- Lần thứ 23: Khoảng 20 giờ 00’ ngày 05/11/2017, H điều khiển xe mô tô Biển số: 73E1-326.48 chở T đi chơi. Khi đến quán tạp hóa của chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1972 ở Tổ dân phố 4, phường Q, thị xã B, thấy không có người trông coi, T rủ H vào trộm tài sản. H đồng ý, cả hai đi ra phía sau quán tạp hóa sử dụng một cái kéo đã mang theo từ trước để mở chốt cửa rồi đi vào trong lấy trộm: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 1.000.000 đồng; 30 lọ nước yến sào Kingnest; 200 gói thuốc lá các loại gồm: 7 cây và 10 gói thuốc lá KHÁNH HỘI, 3 cây và 80 gói thuốc lá CHỢ LỚN, 8 gói thuốc lá SÀI SÒN, 1 gói thuốc lá WHITE HORSE, 1 gói thuốc lá WAR HORSE; Thẻ cào điện thoại các loại, trị giá 1.600.000 đồng; 05 lốc sữa Ensua.

T và H bán số tài sản lấy trộm được cho Hoàng Văn X ở phường Q, thị xã B lấy số tiền 4.300.000 đồng. Số tiền bán được T và H tiêu xài chung hết. Số tài sản trên Hoàng Văn X đã bán hết số tài sản trên cho khách.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xác định: 30 lọ nước yến sào Kingnest, trị giá 975.000 đồng; 200 gói thuốc lá các loại gồm: 7 cây và 10 gói thuốc lá KHÁNH HỘI trị giá 640.000 đồng, 3 cây và 80 gói thuốc lá CHỢ LỚN trị giá 605.000 đồng, 8 gói thuốc lá SÀI SÒN trị giá 72.000 đồng, 1 gói thuốc lá WHITE HORSE trị giá 20.000 đồng, 1 gói thuốc lá WAR HORSE trị giá 10.000 đồng; thẻ cào điện thoại các loại trị giá 1.600.000 đồng; 05 lốc sữa Ensua (6 hộp/1 lốc) trị giá: 1.050.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của chị Nguyễn Thị Thanh T bị chiếm đoạt là: 5.972.000 đồng.

- Lần thứ 24: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 11/11/2017, Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản. H điều khiển xe mô tô BKS: 73E1-326.48 chở T mang theo thanh xà cạy và một cái cưa dạng gấp để trong túi vải màu trắng đi đến nhà chị Nguyền Thị H, sinh năm 1977, thuộc tổ dân phố M, phường Q, thị xã B lấy trộm, đến nơi, H đứng ngoài còn T vào trong lấy một bao đựng 40 cây thuốc lá ZET ở phòng khách rồi thoát ra ngoài và gọi điện thoại cho H đến chở về nhà. T và H bán số thuốc lá lấy trộm được cho Hoàng Văn X ở Tổ dân phố 7 phường Q, thị xã B được số tiền 6.000.000 đồng. T đưa cho H 500.000 đồng và cả hai sử dụng chung số tiền 1.600.000 đồng. còn 3.900.000 đồng T tiêu xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Quảng Bình xác định: 40 cây thuốc lá hiệu ZET trị giá 6.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu bồi thường.

- Lần thứ 25: Khoảng 13 giờ 30’ ngày 15/11/2017, Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản. H điều khiển xe mô tô mang Biển số: 73E1-326.48 chở T mang theo thanh xà cạy và cưa dạng gấp được để trong túi vải màu trắng đi đến nhà bà Trần Thị N, sinh năm 1935 ở tổ dân phố N, phường Q, thị xã B để trộm cắp tài sản. H chờ ở ngoài, T nhảy qua hàng rào vào cửa sổ phía sau nhà rồi dùng tay giật mạnh làm song cửa sổ bị gãy rồi đột nhập vào trong. T lấy trộm số tiền 15.000.000 đồng cùng 02 nhẫn vàng 9999 ở trong phòng ngủ rồi thoát ra ngoài và gọi điện thoại cho H đến chở T về nhà. Trên đường về, T nói với H là chỉ lấy trộm được số tiền 1.500.000 đồng cùng với 02 nhẫn vàng 9999.

T và H sử dụng chung 1.500.000 đồng. T bán 02 nhẫn vàng cho anh Nguyễn Tiến L (chủ tiệm vàng L L ở xã Q, thị xã B) được số tiền 6.500.000 đồng. T sử dụng hết số tiền 13.500.000 đồng lấy trộm và tiền bán vàng.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, xác định: 01 nhẫn vàng 9999, hình tròn, trọng lượng 01 chỉ trị giá 3.500.000 đồng; 01 nhẫn vàng 9999, có mặt nhẫn hình vuông trọng lượng 1,5 chỉ trị giá 5.250.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của bà Trần Thị N bị chiếm đoạt là: 23.750.000 đồng.

- Lần thứ 26: Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 18/11/2017, Nguyễn Văn T rũ Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản, H chở T bằng xe mô tô mang Biển số: 73K1-082.14 đến nhà của bà Nguyễn Thị Hồng Ph, sinh năm 1965, trú tại thôn 10, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Quan sát thấy nhà đóng cửa, không có người T trèo lên hàng rào lên tầng hai, dùng tay giật mạnh cửa hông nhà ở tầng hai ra, T vào trong nhà, đi xuống tầng một mở cửa hông cho H vào, rồi cả hai bắt đầu tìm kiếm tài sản trong nhà bà Ph. T và H thay nhau móc tay vào trong cốp xe mô tô lấy được số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), T lấy chùm chìa khóa (hai chìa) ở tủ đựng giày mở cửa phòng ngủ, lục tìm tài sản trong tủ quần áo lấy 10.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; lấy trong túi xách 3.000.000 đồng; 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy S6 màu vàng đồng; 01 (một) vòng trang sức gồm 51 hạt màu trắng đều là hạt ngọc trai nuôi.

H được chia: 5.000.000 đồng, số tiền còn lại T giữ.

Ngày 05/01/2017 Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Kết luận tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt tại thời điểm ngày 18/11/2017 là: 18.150.000 đồng.

Ngoài những tài sản bị mất trên, Bà Nguyễn Thị Hồng Ph kê khai số tiền bị mất trộm là 166.000.000 đồng, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh, đối chất giữa các bị cáo và bị hại nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, bà Ph không chứng minh được nguồn tiền. Vì vậy không đủ cơ sở để kết luận T và H chiếm đoạt số tiền 166.000.000 đồng theo kê khai của bà Ph.

- Lần thứ 27: Khoảng 02 giờ 00’ ngày 18/11/2017, Nguyễn Văn T đột nhập nhà chị Ngô Thị G trú ở Tổ dân phố 8, phường Q, thị xã B, trộm cắp tài sản. T dùng tay mở cửa sổ lấy trộm ở trên giường một máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5 PRIME rồi ra ngoài và đi về nhà. T sử dụng điện thoại lấy trộm một thời gian rồi cho Trần Xuân B (trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B) sử dụng.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Ba Đồn, định giá: Máy điện thoại di động Samsung J5 prime, màu hồng trị giá 4.050.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả máy điện thoại di động Samsung J5 prime, màu hồng cho chị Ngô Thị G. Chị G không có yêu cầu bồi thường.

- Lần thứ 28: Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 04/12/2017, Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản, H điều khiển mô tô mang Biển số 73E1-326.48 chở T, mang theo một túi vải màu trắng bên trong đựng 01 (một) xà cạy đi đến nhà của chị Phan Thị H, sinh năm 1985, trú tại Thôn 1, xã B, huyện B, T

dùng xà cạy phá gãy một song cửa sổ bằng gỗ vào trong nhà chị H. T và H lục tìm lấy số tài sản: 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu CoolPad, màu trắng; 01 đồng hồ đeo tay; 01 (một) móng động vật. Lấy được tài sản T và H tẩu thoát ra ngoài bằng đường cũ.

T giữ móng động vật, H giữ máy điện thoại di động và đồng hồ đeo tay.

Ngày 05/1/2017, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, kết luận Tổng thiệt hại tài sản tại thời điểm bị mất trộm là 3.200.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trả lại cho chị Phan Thị H toàn bộ tài sản bị mất, chị H không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Lần thứ 29: Khoảng 15 giờ ngày 04/12/2017 (ngay sau khi thực hiện xong vụ trộm tại nhà chị Phan Thị H). T và H đi đến nhà của chị Lưu Thị Thanh H, sinh năm 1978, trú tại thôn 1, xã B, huyện B, T và H trèo qua hàng rào vào trong sân nhà, T dùng tay giật mạnh cánh cửa hông cả hai đi vào trong, T dùng xà cạy cạy phá khóa cửa phòng ngủ vào trong lục tìm tài sản, T đập 01 (một) con heo đất bên trong có 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng); trong các phong bao lì xì có số tiền 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng); trong các túi xách ở phòng ngủ được số tiền 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm ngàn đồng); 01 (một) máy điện thoại di động Lumia màu đen; 01 (một) nhẫn bằng vàng, trọng lượng 0,5 chỉ. Số tài sản trên T giữ máy điện thoại di động, quá trình sử dụng đã bị rơi mất, H giữ nhẫn bằng vàng quá trình sử dụng bị rơi mất.

Ngày 05/1/2017, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Kết luận tổng tài sản thiệt hại tại thời điểm ngày 04/12/2017 là: 7.265.000 đồng.

Ngoài những tài sản trên Chị Lưu Thị Thanh H khai báo còn bị mất 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để trong túi xách, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã xác minh nguồn tiền của bị hại, cho đối chất giữa các bị cáo và bị hại nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, các bị cáo T và H không thừa nhận lấy được số tiền trên. Vì vậy chưa có căn cứ để kết luận.

- Lần thứ 30: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 04/12/2017, sau khi lấy trộm được tài sản tại nhà chị Lưu Thị Thanh H, T và H đi xe mô tô đến nhà chị Phan Thị Ph, sinh năm 1983, trú tại Thôn 6, xã B, huyện B trộm cắp tài sản. H đứng ngoài cảnh giới, T dùng xà cạy phá cánh cửa sổ, đập cong song cửa sổ bằng inox rồi vào bên trong. T dùng xà cạy phá khóa cửa phòng ngủ rồi lấy dao ở nhà bếp chị Ph cạy phá két sắt lấy trộm tài sản: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); 01 (một) nhẫn bằng vàng 9999, trọng lượng 1 chỉ; 01 (một) mảnh gỗ bề mặt xù xì, dài 20cm, một đầu nhọn, đầu còn lại rộng 05cm; 01 (một) chuỗi hạt đeo tay bằng các hạt gỗ hình cầu tròn, kích thước mỗi hạt là 01cm. T lục tìm ở tủ bán hàng trong nhà chị Ph, lấy thêm số tiền 3.000.000 đồng; 2,5 cây thuốc lá hiệu ba số

555; 1,5 cây thuốc lá hiệu white horse; 1,5 cây thuốc lá Zét. Sau đó, T gọi điện cho H đến đón và cùng với H chạy về thị xã B.

Sau khi lấy trộm được tài sản tại nhà chị Ph, T cho H biết chỉ lấy được số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền 10.000.000 đồng T cất giữ và tiêu xài riêng. T chia cho H 2.500.000 đồng, số tiền trộm tại ba nhà còn lại T sử dụng; 01 (một) nhẫn vàng 9999, trọng lượng 1 chỉ, T nhờ em trai là Nguyễn Văn C mang đi bán ở tiệm vàng L L ở xã Q, thị xã B với giá 3.200.000 đồng.

Ngày 05/01/2018 Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bố Trạch kết luận tổng giá trị tài sản thiệt hại tài sản tại thời điểm ngày 04/12/2017 là: 18.459.500 đồng.

Ngoài 30 lần trộm cắp tài sản được kết luận nói trên thì còn có 2 lần khác các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã lẽn vào nhà lục tìm tài sản để trộm cắp, theo lời khai của các bị cáo thì do không tìm được tài sản có giá trị nên các bị cáo không lấy được gì nhưng các bị hại lại khai bị mất nhiều tài sản có giá trị, đề nghị quy kết buộc trách nhiệm đối với các bị cáo, đó là:

- Khoảng 13 giờ ngày 07 tháng 9 năm 2017, Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Văn H lẽn vào nhà bà Nguyễn Thị B ở Tiểu khu 10, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình lục tìm tài sản để trộm cắp, các bị cáo khai không lấy được tài sản gì. Bà Nguyễn Thị B khai báo bị mất 1.800.000 đồng; 02 nhẫn vàng 9999 (4 số 9), trọng lượng mỗi cái 1 chỉ, quá trình điều tra các bị cáo không thừa nhận. Do không đủ căn cứ nên Kết luận điều tra, Cáo trạng của Viện kiểm sát không quy kết các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã trộm cắp tài sản theo lời khai của bà Nguyễn Thị B;

- Sau khi đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị B, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H lẽn vào nhà ông Trần Văn T ở Tiểu khu 10, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình lục tìm tài sản để trộm cắp, quá trình điều tra các bị cáo khai không lấy được tài sản gì. Ông Trần Văn T khai báo bị mất 4.000.000 đồng; 03 nhẫn vàng 9999 (4 số 9), trong đó có 2 cái trọng lượng mỗi cái 2 chỉ, 1 nhẫn có trọng lượng 1 chỉ, quá trình điều tra các bị cáo không thừa nhận. Do không đủ căn cứ nên Kết luận điều tra, Cáo trạng của Viện kiểm sát không quy kết các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã trộm cắp tài sản theo lời khai của ông Trần Văn T.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 161 loại đồ vật, (theo Biên bản giao nhận vật chứng các ngày 25, 26 tháng 6 năm 2018 giữa cán bộ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình với cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình). Trong đó:

Có 62 loại đồ vật thu giữ được xác định của bà Nguyễn Thị Ph;

Có 33 loại tài sản thu giữ được xác định của bà Trần Thị Thu H;

Có 17 loại tài sản thu giữ được xác định của Nguyễn Văn T;

Có 06 loại tài sản thu giữ được xác định của Nguyễn Văn C;

Có 15 loại tài sản thu giữ được xác định của bà Lê Thị N;

Có 18 loại tài sản thu giữ được xác định của Nguyễn Văn H;

Có 02 loại tài sản thu giữ của ông Nguyễn Thành V;

Có 08 loại đồ vật thu giữ được xác định các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H dùng làm công cụ phạm tội hoặc do các bị cáo mua sắm bằng tiền bán tài sản trộm cắp mà có.

Trong quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử, bà Nguyễn Thị Ph là mẹ đẻ của Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền là 156.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của Nguyễn Văn H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại với số tiền 35.000.000 đồng.

Trong vụ án có Nguyễn Tiến L, Cao Văn N, Trương Thị Hồng V, Ngô Tuấn T, Liêu Tú H, Nguyễn Thị H, Ngô Ngọc L, Lê Văn H, Nguyễn Tiến Đ, Trần Xuân B, Hoàng Văn X, Đoàn Mã S, Bùi Đức H và Nguyễn Văn C là những người đã mua và sử dụng tài sản của T và H nhưng họ đều không biết vàng và tài sản do T và H phạm tội mà có nên không bị truy cứ trách nhiệm hình sự.

Đối với bà Lê Thị N vợ của Nguyễn Văn H và gia đình không biết về hành vi trộm cắp tài sản của H trong quá trình sinh sống. Những tài sản H trộm cắp được đều phục vụ cho bản thân. Vì vậy bà N và gia đình không vi phạm pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Ph và bà Trần Thị Thu H là mẹ và vợ của Nguyễn Văn T sử dụng tài sản do T mang về nhưng không biết những tài sản đó do trộm cắp mà có, vì vậy không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên toà, bị hại Nguyễn Thị Hồng Ph đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H phải bồi thường cho gia đình bà số tiền bị mất trộm là 166.000.000 đồng mà bà đã trình báo kê khai nhưng không được Cơ quan điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát chấp nhận.

Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị B vắng mặt nhưng trong giai đoạn điều tra, bà B có yêu cầu buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H bồi thường số tiền số tài sản bị mất trộm gồm 1.800.000 đồng tiền mặt và 02 nhẫn vàng.

Tại phiên toà, bà Lưu Thị Thanh H vắng mặt nhưng trong giai đoạn điều tra, bà H có yêu cầu buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H bồi thường số tiền 10.000.000 đồng bà để trong túi xách bị mất mà bà đã kê khai, trình báo.

Tại phiên toà, ông Trần Văn T vắng mặt nhưng trong giai đoạn điều tra ông T có đề nghị buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải chịu trách nhiệm đối với số tài sản của gia đình ông bị mất trộm mà ông đã kê khai, trình

báo gồm: 4.000.000 đồng tiền mặt; 03 nhẫn vàng 9999 (4 số 9), trong đó có 2 cái trọng lượng mỗi cái 2 chỉ, 1 nhẫn có trọng lượng 1 chỉ.

Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H khai nhận hành vi các bị cáo trộm cắp tài sản của các bị hại đúng như Cáo trạng truy tố. Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận đã thực hiện 30 lần trộm cắp tài sản có giá trị tổng cộng 666.469.761 đồng, trong đó có 21 lần thực hiện trộm cắp tài sản cùng Nguyễn Văn H với tổng trị giá 238.616.841 đồng; có 9 lần bị cáo thực hiện một mình với tổng trị giá 427.852.920 đồng. Thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố để Toà án xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng. Bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận có 21 lần cùng Nguyễn Văn T thực hiện trộm cắp tài sản với tổng trị giá 238.616.841 đồng, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố để Toà án xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H thừa nhận có lấy trộm tài sản của bà Lưu Thị Thanh H nhưng không thừa nhận lấy trộm số tiền 10.000.000 đồng như bà H kê khai;

Thừa nhận hành vi khoảng 13 giờ ngày 07 tháng 9 năm 2017 đã lẽn vào nhà bà Nguyễn Thị B ở Tiểu khu 10, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình lục tìm tài sản để trộm cắp nhưng các bị cáo không lấy được tài sản gì nên không chấp nhận bồi thường các tài sản mà bà Nguyễn Thị B khai báo bị mất 1.800.000 đồng; 02 nhẫn vàng 9999 (4 số 9), trọng lượng mỗi cái 1 chỉ.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H thừa nhận sau khi đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị B nhưng không lấy trộm được tài sản gì thì các bị cáo tiếp tục lẽn vào nhà ông Trần Văn T ở Tiểu khu 10, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình lục tìm tài sản để trộm cắp nhưng không lấy trộm được tài sản gì. Các bị cáo không chấp nhận bồi thường các tài sản mà ông Trần Văn T khai báo bị mất 4.000.000 đồng; 03 nhẫn vàng 9999 (4 số 9), trong đó có 2 cái trọng lượng mỗi cái 2 chỉ, 1 nhẫn có trọng lượng 1 chỉ.

Tại các giấy nhận tiền, có nhiều bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường đủ thiệt hại theo các giấy nhận tiền đã viết khi mẹ các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đến gặp các bị hại xin nộp tiền bồi thường để giao nộp cho Toà án làm tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T không tranh luận tội danh "Trộm cắp tài sản" và khung hình phạt theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi vụ án bị phát hiện và trong giai đoạn điều tra bị cáo đã có ý kiến để mẹ bị cáo tìm gặp các bị hại bồi thường gần đủ thiệt hại cho

các bị hại, được nhiều bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình điều tra và xét xử bị cáo luôn khai báo thành khẩn, biết ăn năn, hối cải với hành vi phạm tội của mình, bị cáo có ông, bà là người có công. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm s, b của khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát; không có căn cứ để buộc bị cáo chịu trách nhiệm theo số tiền bà Nguyễn Thị Hồng Ph có yêu cầu trong quá trình điều tra và tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt, có căn cứ pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 173, các điểm b, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 12 đến 13 năm tù.

Miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 05 đến 06 năm tù.

Miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Đề nghị buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo kết quả xác định thiệt hại trong quá trình điều tra và xét xử và theo yêu cầu của các bị hại sau khi gia đình các bị cáo đến gặp các bị hại nộp tiền bồi thường.

Về xử lý vật chứng vụ án và các tài sản bị thu giữ:

Đề nghị Hội đồng xét xử tạm giữ các tài sản có giá trị thu giữ của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H để bảo đảm thi hành án; trả lại các tài sản bị thu giữ được xác định không liên quan đến vụ án cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, sơn màu đỏ đen, số khung 853981, số máy 1274153, biển số 73E1- 326.48, đã qua sử dụng cho bà Lê Thị N (vợ Nguyễn Văn H) vì chiếc xe này được bà Lê Thị N mua bằng tiền vay Ngân hàng và của gia đình bên ngoại cho, xe mang tên Lê Thị N, bà N không biết Nguyễn Văn H lấy xe đi có sử dụng làm phương tiện chở Nguyễn Văn T đi trộm cắp tài sản.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu sơn đen - cam, Biển số: 73K1-082.14, số máy: JFG3E-1115037, số khung: RLHJFG-304FZ482185 và 01 chìa khóa xe, xe đã qua sử dụng mang tên Nguyễn Văn T (giấy chứng nhận

đăng ký xe có tại Công ty TNHH Giải trí H T), quá trình điều tra và xét xử xác định trước khi bán xe cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Giải trí H T, Nguyễn Văn T đã nhiều lần sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi lại trộm cắp tài sản, ngày 28 tháng 11 năm 2017, Nguyễn Văn T bán xe cho Công ty TNHH Giải trí H T với giá 20.000.000 đồng và thuê lại chiếc xe này để đi lại. Giấy bán xe chỉ có hai bên ký với nhau không được công chứng, chứng thực theo quy định. Theo đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015, tịch thu hoá giá bán sung công quỹ Nhà nước xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu sơn đen - cam, biển số: 73K1-082.14 mang tên Nguyễn Văn T.

Quan hệ mua bán xe mô tô giữa Nguyễn Văn T với Công ty TNHH Giải trí H T nếu có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án dân sự, không xem xét giải quyết theo vụ án này.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng Ph về số tiền gia đình bà bị mất trộm 166.000.000 đồng mà bà đã trình báo kê khai; yêu cầu của bà Lưu Thị Thanh H về số tiền 10.000.000 đồng để trong túi xách bị mất trộm; yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về số tài sản gia đình bà bị mất trộm bà đã kê khai, trình báo gồm 1.800.000 đồng tiền mặt và 02 nhẫn vàng; yêu cầu của ông Trần Văn T về số tiền 4.000.000 đồng; 03 nhẫn vàng 9999 (4 số 9), trong đó có 2 cái trọng lượng mỗi cái 2 chỉ, 1 nhẫn có trọng lượng 1 chỉ bị mất trộm, do kết quả điều tra và xét xử không có căn cứ để quy kết trách nhiệm đối với các bị cáo nên không buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm đối với các tài sản theo trình báo, kê khai của bà Nguyễn Thị Hồng Ph, bà Lưu Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị B, ông Trần Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và 2015. Quá trình điều tra và tại phiên toà, Luật sư được chỉ định bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, người bị hại, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Về tội danh "Trộm cắp tài sản" theo truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H.

Theo diễn biến vụ án và lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tang vật vụ án được thu giữ. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H có đủ yếu tố cấu thành của tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015). Cáo trạng số 124/VKS-P3 ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố để Toà án xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[2] Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phạm tội khi Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực nhưng được xét xử khi Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực nên các quy định có lợi theo Bộ luật Hình sự năm 1999 và các quy định có lợi theo Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng đối với các bị cáo theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Theo 21 lần bị cáo Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Văn Hg trộm cắp tài sản được định giá 238.616.841 đồng và 9 lần Nguyễn Văn T một mình trộm cắp tài sản được định giá 427.792.920 đồng, Cáo trạng của Viện kiểm sát quy kết Nguyễn Văn T chiếm đoạt tài sản có giá trị 666.469.761 đồng nên bị truy tố để xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm là điều luật có lợi cho bị cáo so với quy định của điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân); Cáo trạng của Viện kiểm sát quy kết bị cáo Nguyễn Văn H chiến đoạt tài sản có giá trị 238.616.841 đồng nên bị truy tố để xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 có hình phạt tù từ 7 năm đến 15 năm (không thay đổi so với điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015). Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội thuộc trường hợp có các tình tiết tăng nặng "Có tính chất chuyên nghiệp"; "Phạm tội từ 2 lần trở lên"; "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại các điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội có tình tiết tăng nặng "Phạm tội nhiều lần" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về tài sản của các bị hại, không chỉ gây tổn thất về vật chất và tinh thần đối với các bị hại mà còn gây tâm lý hoang mang lo sợ, bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, làm mất ổn định trật tự, trị an trên địa bàn nên cần phải được xử phạt mức án nghiêm khắc, có tác

dụng trừng trị, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm đang có chiều hướng gia tăng này.

Xét trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H luôn thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Sau khi vụ án bị phát hiện và trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T đã có ý kiến để gia đình bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền 156.500.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn H đã có ý kiến để gia đình bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền 35.000.000 đồng; cả 2 bị cáo được nhiều bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và có nhiều bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường đủ thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Bị cáo Nguyễn Văn T được chính quyền địa phương xác nhận có công tham gia cứu người, tài sản ở địa phương phường Q, thị xã B trong đợt bão, lũ ngày 14 tháng 9 năm 2017.

Theo đó bị cáo Nguyễn Văn T, được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các tình tiết giảm nhẹ của khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội có 3 tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s của khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và có 2 tình tiết giảm nhẹ của khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng lại có 3 tình tiết tăng nặng theo các điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên không đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo mức án dưới khởi điểm của khung hình phạt mà phải xử phạt bị cáo mức án như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội có 3 tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, p của khoản 1 và có 1 tình tiết giảm nhẹ của khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; có 1 tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo phạm tội do bị Nguyễn Văn T lôi kéo, cù rủ, mức độ không tích cực, chủ động bằng bị cáo Nguyễn Văn T nên được áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt mức án dưới khởi điểm của khung hình phạt như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

Xét hoàn cảnh kinh tế hiện tại của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; đối với bị cáo Nguyễn Văn H theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại, người có quyền lợi, nhĩa vụ liên quan đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H.

Theo kết quả điều tra và xét xử; sự thoả thuận giữa một số người bị hại với các bị cáo, Hội đồng xét xử chỉ xem xét để buộc các bị cáo phải bồi thường tiếp các thiệt hại đối với các bị hại có yêu cầu bồi thường. Cụ thể:

1. Bà Liêu Thị Tú L bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 6.900.000 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho bà L 2.000.000 đồng, còn thiếu 4.900.000 đồng, bà L không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

2. Bà Nguyễn Thị Kim A bị Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản trị giá 22.339.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho bà A 21.000.000 đồng, còn thiếu 2.239.000 đồng, bà A không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

3. Bà Lê Thị H bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 9.802.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho bà H 9.500.000 đồng, còn thiếu 302.000 đồng, bà H không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

4. Ông Đoàn Văn V bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp xe máy trị giá 6.000.000 đồng, quá trình điều tra đã thu hồi được xe máy trả lại cho ông V, ông V không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét;

5. Bà Nguyễn Thị Tố L bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 65.402.000 đồng, quá trình điều tra, tài sản bị mất trộm đã được thu hồi trả lại cho bà L gần đủ, bà L không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tài sản chưa được thu hồi nên Hội đồng xét xử không xem xét;

6. Bà Nguyễn Thị Thu H bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 18.000.000 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho bà H 4.000.000 đồng, còn thiếu 14.00.000 đồng, bà H không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

7. Bà Trương Thị Ng bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 23.952.920 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho bà Ng 22.000.000 đồng, còn thiếu 1.952.920 đồng, bà Ng không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

8. Bà Đậu Thị Ph có 1 lần bị Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản trị giá 9.575.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho bà Ph 2.000.000 đồng, còn thiếu 7.575.000 đồng, bà Ph không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Có 1 lần bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 8.800.000 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi

thường cho bà Ph 3.000.000 đồng, còn thiếu 5.800.800 đồng, bà Ph không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

9. Bà Nguyễn Thị C bị Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản trị giá 60.713.000 đồng, số tài sản không thu hồi được trị giá 55.000.000 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho bà C 10.000.000 đồng, còn thiếu 45.000.000 đồng, bà C không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

10. Bà Nguyễn Thị Tố L bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 690.000 đồng, tài sản bị mất trộm đã được thu hồi trả lại cho bà L, bà L không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét;

11. Bà Hồ Thị L bị Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản trị giá 58.850.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho bà L 20.000.000 đồng, còn thiếu 38.850.000 đồng, bà L không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

12. Bà Nguyễn Thị L bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 8.770.000 đồng, số tài sản bị mất trộm không thu hồi được trị giá 5.360.000 đồng, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường cho bà L số tiền 5.360.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà L 2.680.000 đồng;

13. Bà Võ Thị Thuý H kê khai bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 3.570.000 đồng, quá trình điều tra, xét xử chỉ có căn cứ quy kết các bị cáo trộm cắp tài sản trị giá 2.470.000 đồng, quá trình điều tra đã thu hồi đủ tài sản bị mất trộm trả lại cho bà H, bà H không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét;

14. Ông Phan Hải Ph bị Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản là 30.000.000 đồng, gia đình Nguyễn Văn T đã bồi thường cho ông Ph 7.000.000 đồng, còn thiếu 23.000.000 đồng, ông Ph không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

15. Ông Phạm Ngọc V bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 28.360.000 đồng, các tài sản bị mất trộm không thu hồi được có giá trị 26.060.000 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho ông V 8.000.000 đồng, còn thiếu 18.060.000 đồng, ông V không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

16. Ông Nguyễn Thành V bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 23.918.341 đồng, các tài sản bị mất trộm không thu hồi

được có giá trị 21.811.341 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho ông V 5.000.000 đồng, còn thiếu 16.811.341 đồng, ông V không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

17. Bà Nguyễn Thị H bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 3.800.000 đồng, các tài sản bị mất trộm đã được thu hồi trả lại cho bà H, bà H không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét;

18. Ông Võ Xuân Q bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 67.410.000 đồng, các tài sản bị mất trộm không thu hồi được có giá trị 66.410.000 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho ông Q 20.000.000 đồng, còn thiếu 46.410.000 đồng, ông Q chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường 27.410.000 đồng (cho mỗi bị cáo 10.000.000 đồng), Theo đó các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường cho ông Q số tiền 27.410.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 13.705.000 đồng;

19. Ông Trần Tiến D bị Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản trị giá 57.800.000 đồng, các tài sản bị mất trộm không thu hồi được có giá trị 55.000.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho ông D 10.000.000 đồng, còn thiếu 45.000.000 đồng, ông D không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

20. Bà Hoàng Thị L bị Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản trị giá 57.045.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho bà L 15.000.000 đồng, còn thiếu 42.405.000 đồng, bà L không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

21. Ông Nguyễn Thiếu S, bị Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản trị giá 8.666.000 đồng, tài sản bị mất trộm đã được thu hồi trả lại có giá trị 6.666.000 đồng. Ông S không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền bị mất trộm 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét;

22. Bà Nguyễn Thị Thanh T bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 5.972.000 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho bà T 2.000.000 đồng, còn thiếu 3.972.000 đồng, bà T không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

23. Bà Nguyễn Thị H, bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 6.000.000 đồng, bà H không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

24. Bà Trần Thị N, bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 23.750.000 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho bà N 15.000.000 đồng, còn thiếu 8.750.000 đồng, bà N không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

25. Bà Nguyễn Thị Hồng Ph kê khai, trình báo tài sản bị mất trộm trị giá 180.000.000 đồng, quá trình điều tra, xét xử chỉ có căn cứ quy kết các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản của bà Ph trị giá 18.150.000 đồng, nên buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H liên đới bồi thường cho bà Ph số tiền 18.150.000 đồng, theo phần bị cáo T bồi thường 13.150.000 đồng, bị cáo H bồi thường 5.000.000 đồng;

26. Bà Ngô Thị G bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp 01 điện thoại di động trị giá 4.050.000 đồng, tài sản bị trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bà G, bà G không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét;

27. Bà Phan Thị H bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 3.200.000 đồng, tài sản bị trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bà H, bà H không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét;

28. Bà Lưu Thị Thanh H kê khai tài sản bị mất trộm trị giá 17.265.000 đồng, quá trình điều tra và xét xử chỉ có căn cứ quy kết các bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản của bà H trị giá 7.265.000 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho bà H 3.000.000 đồng, còn thiếu 4.265.000 đồng, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường, theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà H 2.132.500 đồng;

29. Bà Phan Thị Ph bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản trị giá 18.459.500 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường 6.000.000 đồng, gia đình Nguyễn Văn H đã bồi thường cho bà Ph 1.000.000 đồng, tổng cộng đã bồi thường 7.000.000 đồng, còn thiếu 11. 459.500 đồng, bà Ph không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

30. Bà Nguyễn Thị B kê khai tài sản bị mất trộm gồm 1.800.000 đồng tiền mặt và 02 nhẫn vàng, quá trình điều tra và xét xử không có căn cứ quy kết các bị

các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản của bà B như đã kê khai mà chỉ có căn cứ buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại theo tài sản bị hư hỏng trị giá 4.000.000 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho bà B 3.000.000 đồng, còn thiếu 1.000.000 đồng, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường, theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà B 500.000 đồng;

31. Ông Trần Văn T, kê khai tài sản bị mất trộm gồm 4.000.000 đồng tiền mặt và 02 nhẫn vàng, quá trình điều tra và xét xử không có căn cứ quy kết các bị các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản của ông T như đã kê khai mà chỉ có căn cứ buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại theo tài sản bị hư hỏng trị giá 4.000.000 đồng, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã bồi thường cho ông T 3.000.000 đồng, còn thiếu 1.000.000 đồng, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường, theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông T 500.000 đồng.

[4] Về xử lý vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra có thu giữ các vật chứng vụ án và thu giữ tại nhà các bị cáo theo các Lệnh khám xét 161 loại tài sản gồm: Có 62 loại tài sản thu giữ của bà Nguyễn Thị Ph (mẹ bị cáo Nguyễn Văn T); có 33 loại tài sản thu giữ của bà Trần Thị Thu H; có 6 loại tài sản thu giữ của Nguyễn Văn C (em ruột Nguyễn Văn T); có 15 loại tài sản thu giữ của bà Lê Thị N (vợ Nguyễn Văn H); có 2 loại tài sản thu giữ của ông Nguyễn Thanh V; có 17 loại tài sản thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T; có 18 loại tài sản thu giữ của Nguyễn Văn H; có 08 vật được các bị cáo sử dụng làm các công cụ, phương tiện phạm tội hoặc được mua bằng tiền do trộm cắp mà có. Qua xem xét thấy:

Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, sơn màu đỏ đen, số khung 853981, số máy 1274153, biển số 73E1- 326.48, xe đã qua sử dụng mang tên bà Lê Thị N (vợ Nguyễn Văn H), kết quả điều tra và xét xử cho thấy chiếc xe này được bà Lê Thị N mua bằng tiền vay Ngân hàng và của gia đình bên ngoại cho, bà N không biết Nguyễn Văn H lấy xe đi có sử dụng làm phương tiện chở Nguyễn Văn T đi trộm cắp tài sản nên được trả lại cho bà Lê Thị N.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu sơn đen - cam, biển số: 73K1-082.14, số máy: JFG3E-1115037, số khung: RLHJFG-304FZ482185 và 01 chìa khóa xe, xe đã qua sử dụng mang tên Nguyễn Văn T, ngày 28 tháng 11 năm 2017, Nguyễn Văn T bán xe cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Giải trí H T (Công ty TNHH Giải trí H T) với giá 20.000.000 đồng và thuê lại chiếc xe này để đi lại. Quá trình điều tra và xét xử xác định trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017, có 14 lần Nguyễn Văn T sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi lại để trộm cắp tài sản, đến cuối năm 2017, Nguyễn Văn T

mới bán xe cho Công ty TNHH Giải trí H T, Giấy bán xe chỉ có hai bên ký với nhau không được công chứng, chứng thực theo quy định. Theo quá trình Nguyễn Văn T sử dụng xe mô tô làm phương tiện để phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần phải tịch thu hoá giá bán sung công quỹ chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu sơn đen - cam, biển số: 73K1-082.14 theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015. Công ty TNHH Giải trí H T phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo tài sản đã bị thu giữ để tịch thu hoá giá bán sung quỹ Nhà nước. Quan hệ mua bán xe mô tô giữa Nguyễn Văn T với Công ty TNHH Giải trí H T nếu có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án dân sự, không xem xét giải quyết theo vụ án này.

Theo kết quả điều tra, xét xử và quy định của pháp luật thì các tài sản thu giữ không liên quan đến vụ án, các tài sản không phải của các bị cáo sẽ được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp; các tài sản thu giữ của các bị cáo có giá trị sẽ được tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án; các tài sản, đồ vật của các bị cáo được các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội sẽ được tịch thu hoá giá bán sung công hoặc tịch thu tiêu huỷ. Cụ thể:

- Trả lại các tài sản thu giữ được xác định không liên quan đến vụ án gồm:

Trả lại cho Nguyễn Thị Ph 62 loại tài sản; trả lại cho bà Trần Thị Thu H 33 loại tài sản; trả lại cho ông Nguyễn Văn C 5 loại tài sản; trả lại cho bà Lê Thị N 15 loại tài sản; trả lại cho ông Nguyễn Thanh V 02 loại tài sản.

- Tiếp tục tạm giữ 16 loại tài sản thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T để bảo đảm thi hành án;

- Tịch thu 01 (một) xe mô tô thu giữ của Nguyễn Văn T nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu sơn đen - cam, biển kiểm soát 73K1-082.14 để hoá giá bán sung công quỹ Nhà nước;

- Tiếp tục tạm giữ 12 loại tài sản thu giữ của Nguyễn Văn H để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 6 loại tài sản qua xem xét thấy không có giá trị nên không phải tạm giữ bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu tiêu huỷ 08 loại đồ vật thu giữ của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, được các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội hoặc do các bị cáo mua sắm bằng tiền bán tài sản trộm cắp mà có, không có giá trị sử dụng.

Đối với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Vụ án có 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập tham gia phiên toà, trong đó có các ông, bà:

Nguyễn Tiến L, Cao Văn Ng, Trương Thị Hồng V, Liêu Tú H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn X, Đoàn Mã S là những người đã mua hoặc nhận cầm cố tài sản do các bị cáo mang đến, quá trình mua, cầm cố tài sản những

người này không biết tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên không vi phạm pháp luật;

Các ông, bà Lê Văn H, Trần Xuân B, Vũ Ngọc C, Lê Thị N, Bùi Đức H, Nguyễn Thị Ph, Trần Thị Thu H, Nguyễn Văn C là những người có sử dụng tài sản do các bị cáo mang đến tặng, cho nhưng những người này không biết các tài sản đó là do các bị cáo trộm cắp mà có nên không vi phạm pháp luật.

Công ty TNHH Giải trí H T, tham gia phiên toà theo việc Nguyễn Văn T bán xe mô tô hiệu HONDA AIRBLADE, màu sơn đen - cam, biển số: 73K1-082.14. Theo kết quả điều tra và xét xử, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu hoá giá bán sung công quỹ chiếc xe mô tô đã được Nguyễn Văn T dùng làm phương tiện phạm tội sau đó bán lại cho Công ty TNHH Giải trí H T. Việc giải quyết hậu quả theo quan hệ mua bán xe mô tô giữa Nguyễn Văn T với Công ty TNHH Giải trí H T nếu có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí vụ án đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải chịu Án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo số tiền còn phải bồi thường cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí, lệ phí Toà án.

[6] Về quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H các người bị hại; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định để yêu cầu xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H.

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 173; các điểm b, g, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017 QH14 đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 12** (mười hai) **năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 12 năm 2017, ngày bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó bị tạm giam.

Miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T;

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn H. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 06** (sáu) **năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 12 năm 2017, ngày bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó bị tạm giam.

Miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H theo yêu cầu của các bị hại.

Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, sự thoả thuận giữa các bị hại với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H; các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải bồi thường cho các bị hại:

Liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị L 5.360.000 đồng, theo phần bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường 2.680.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường 2.680.000 đồng;

Liên đới bồi thường cho ông Võ Xuân Q 27.410.000 đồng, theo phần bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường 13.705.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường 13.705.000 đồng;

Liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng Ph 18.150.000 đồng, theo phần bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường 13.150.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường 5.000.000 đồng;

Liên đới bồi thường cho bà Lưu Thị Thanh H 4.265.000 đồng, theo phần Nguyễn Văn T bồi thường 2.132.500 đồng; Nguyễn Văn H bồi thường 2.132.500 đồng;

Liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị B 1.000.000 đồng, theo phần Nguyễn Văn T bồi thường 500.000 đồng, Nguyễn Văn H bồi thường 500.000 đồng;

Liên đới bồi thường cho ông Trần Văn T 1.000.000 đồng, theo phần Nguyễn Văn T bồi thường 500.000 đồng, Nguyễn Văn H bồi thường 500.000 đồng.

Tổng số tiền theo phần bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho 5 bị hại có yêu cầu là: 32.667.500 đồng;

Tổng số tiền theo phần bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho 5 bị hại có yêu cầu là: 24.517.500 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng Ph để buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H liên đới bồi thường số tiền bị mất trộm 166.000.000 đồng mà bà Ph đã trình báo, kê khai;

Không chấp nhận yêu cầu của bà Bà Lưu Thị Thanh H để buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H liên đới bồi thường số tiền 10.000.000 đồng bà để trong túi xách bị mất trộm mà bà H đã kê khai, trình báo;

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B để buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H liên đới bồi thường số tài sản bị mất trộm theo kê khai, trình báo gồm 1.800.000 đồng và 02 nhẫn vàng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T để buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H liên đới bồi thường các tài sản ông T đã kê khai, trình báo bị mất trộm gồm: 4.000.000 đồng; 03 nhẫn vàng 9999 (4 số 9), trong đó có 2 cái trọng lượng mỗi cái 2 chỉ, 1 nhẫn có trọng lượng 1 chỉ.

Quan hệ mua bán xe mô tô giữa Nguyễn Văn T với Công ty TNHH Giải trí H T nếu có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ph 62 loại tài sản gồm:

1. 01 (một) ĐTDĐ hiệu Oppo F1S màu trắng, IMEI 862651037779136 và 862651037779128.

2. 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Microsoft Lumia mặt lưng màu trắng, IMEI 358608061803902.

3. 01 (một) ĐTDĐ Samsung Galaxy Core Prime màu bạc, trên mặt có chữ "DUOS", IMEI 357932060549337 và 357933060549335.

4. 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA 1110i màu xanh trắng, số IMEI 358980028156249.

5. 01 (một) ĐTDĐ cảm ứng hiệu Lenovo màu đen, số IMEI: 865022020774954 và 865022020774962.

6. 01 (một) ĐTDĐ hiệu FPT B16 màu đen, viền đỏ (loại phím cứng) IMEI: 980029005027084.

7. 01 (một) ĐTDĐ phím cứng dạng bao thuốc lá 555, ký hiệu STEAT EXPRESS.

8. 01 (một) đồng hồ đeo tay nam hiệu Olypianus có quai đeo bằng kim loại màu vàng, mặt lưng ký hiệu 990.08AM.

9. 01 (một) máy ảnh du lịch màu đen hiệu CANON POWERSHOT A2200 HD có dây đeo tay bằng dây dù.

10. 01 (một) ví da nữ màu đen, kích thước 20 x 10 cm.

11. 01 (một) túi xách màu đen, ký hiệu PRADA, kích thước 22 x 16cm.

12. 01 (một) ví da màu nâu kích thước 20 x 10 cm, phía trước có in chìm dòng chữ "Men-Bense".

13. 01 (một) túi xách nữ màu đỏ thẫm, kích thước 22 x 12cm, có đính đá màu sáng lấp lánh đường kính 03 (cm) nhiều mặt cắt ở phần giữa trên miệng túi.

14. 01 (một) đồng hồ đeo tay nữ hiệu ESSENCE mặt trong màu đen, dây đeo kim loại màu bạc, ký hiệu NO 020L, hai đầu dây có gắn móc khóa.

15. 01 (một) túi xách nữ màu xám đen, không có nhãn hiệu, kích thước 20 x 12.5 cm, có dây đeo làm bằng các chuỗi hạt nhựa nhỏ đan xoắn vào nhau.

16. 01 (một) ví da nữ màu hồng nhãn hiệu CHARLES & KEITH kích thước 20 x 10 cm.

17. 01 (một) sạc pin dự phòng hiệu SOFTBANK, Lion 00 màu trắng kích thước 11 x 7 x 1,5 cm, dung lượng 6200mAh.

18. 01 (một) ĐTDĐ màu đen hiệu FPT IMEI 980018005762253 và 980018005822859, điện thoại phím cứng.

19. 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Samsung (mặt lưng ký hiệu N363 màu trắng).

20. 01 (một) vỏ hộp ĐTDĐ màu đen.

21. 01 (một) túi xách da màu nâu, kích thước 25x18cm.

22. 01 (một) đồng hồ đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng, quai đeo bằng kim loại, ký hiệu KINGSKY, mặt lưng ký hiệu "NO2176".

23. 07 (bảy) chiếc găng tay bằng vải màu đen, phần viền cổ tay có màu xanh lá cây.

24. 01 (một) mũ áo khoác vải màu xanh có gắn dây tai nghe nhạc màu trắng.

25. (một) mũ áo khoác bằng vải màu đen.

26. 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng dạng mắt xích có móc khóa. (Số 9).

27. 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu trắng chế tác dạng các mắt xích xoắn nối cách đều với 10 (mười) thanh kim loại dẹt rỗng giữa. (Số 12).

28. 01 (một) vòng đeo tay kim loại màu vàng, bên trong có khắc chữ "18K", mặt ngoài in hoa văn hình lá cây và các ô hình chữ nhật. (Số 13)

29. 01 (một) vòng đeo tay kim loại màu trắng. (Số 14)

30. 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, mặt hình chữ nhật có gắn 01 (một) viên đá màu đỏ, bên trong nhẫn khắc chữ "LOAN 64". (Số 15)

31. 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, mặt hình chữ nhật có gắn 01 (một) viên đá màu đỏ, bên trong nhẫn khắc chữ "T.M DIEP 2". (Số 16)

32. 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, mặt hình chữ nhật. (Số 17)

33. 01 (một) nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, mặt trong in chữ "2 CHI_TU.QB TUAN ANH 9999". (Số 18)

34. 01 (một) nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, mặt trong in chữ "0.5 CHI_TU.QB TUAN ANH 9999". (Số 19)

35. 01 (một) nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, mặt trong in chữ "0.5 CHI_TU.QB TUAN ANH 9999". (Số 20)

36. 01 (một) nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, mặt trong in chữ " Huệ Hương 9999 Lâm Q.Binh". (Số 21)

37. 01 (một) nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, mặt trong in chữ "1 CHI_TU.QB TUAN ANH 9999". (Số 22)

38. 01 (một) nhẫn tròn trơn bằng đá màu trắng đỏ. (Số 23)

39. 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình cánh quạt, có gắn bông hoa kim loại màu vàng. (Số 24)

40. 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng dạng mắt xích, ở trên khóa dây chuyền có chữ "ĐNKL", mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có gắn 01 (một) viên đá màu xanh, trên miếng kim loại màu vàng treo mặt dây chuyền có in dòng chữ "1KL 9999". (Số 25)

41. 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng dạng mắt xích, móc khóa hình chữ M. (Số 26)

42. 01 (một) đôi bông tai kim loại màu vàng in chữ "XUPING", phía dưới có treo miếng kim loại màu vàng hình thoi và 01 (một) miếng kim loại màu vàng hình bầu dục dẹt có hoa văn. (Số 29)

43. 01 (một) miếng kim loại màu vàng có gắn 01 (một) viên đá nhỏ hình tròn không màu và 01 (một) viên đá to. (Số 31)

44. 01 (một) miếng kim loại màu vàng hình chiếc giày có gắn 02 (hai) viên đá nhỏ không màu được treo dưới vòng kim loại màu vàng hình bầu dục. (Số 32)

45. 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu trắng dạng mắt xích không có móc khóa. (Số 33)

46. 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu trắng dạng mắt xích, mặt dây chuyền hình số tám có gắn nhiều viên đá nhỏ không màu. (Số 34)

47. 01 (một) vòng hở kim loại màu trắng được lồng 02 miếng nhựa màu đen bọc kim loại màu trắng và (một) viên đá màu vàng. (Số 36)

48. 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng có gắn các viên đá nhỏ không màu, mặt nhẫn gắn 01 (một) viên đá to không màu và các viên đá nhỏ không màu, mặt trong nhẫn in chữ "XP_L6". (Số 38)

49. 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng dạng mắt xích, mặt dây chuyền hình 02 chiếc lá kim loại màu vàng có gắn nhiều viên đá nhỏ không màu và 01 viên hình cầu màu trắng đục. (Số 39)

50. 01 (một) dây chuyền kim loại màu trắng dạng mắt xích và 12 (mười hai) thanh kim loại rỗng cách đều nhau. (Số 42)

51. 01 (một) dây kim loại màu trắng dạng mắt xích hình tròn, 01 đầu có móc một mảnh kim loại màu trắng hình ngôi sao nhỏ. (Số 44)

52. 01 (một) đoạn dây kim loại màu trắng dạng mắt xích tròn treo 01 (một) quả chuông kim loại màu trắng và 01 (một) mảnh kim loại hình trái tim dẹt màu trắng. (Số 45)

53. 01 (một) dây kim loại màu trắng dạng mắt xích, có móc khóa. (Số 47)

54. 01 (một) dây chuyền kim loại màu trắng dạng xoắn, mặt dây chuyền hình trái tim bằng kim loại màu trắng in hoa văn. (Số 48)

55. 01 (một) chiếc khuyên tai kim loại màu vàng hình cánh bướm có gắn 02 viên đá không màu. (Số 49)

56. 01 (một) dây chuyền kim loại màu trắng dạng mắt xích xoắn múi tròn. (Số 50)

57. 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng, hình cánh hoa gắn 01 (một) viên đá màu đỏ treo dưới vòng kim loại màu vàng hình bầu dục. (Số 58)

58. 01 (một) nhẫn kim loại màu trắng có gắn 01 (một) viên đá to và nhiều viên đá nhỏ không màu. (Số 61)

59. 01 (một) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).

60. 03 (ba) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

61. 05 (năm) tờ tiền mệnh giá 10.000 VNĐ.

62. 01 (một) tờ tiền giấy mệnh giá 50.000 VNĐ.

- Trả lại cho bà Trần Thị Thu H 33 loại tài sản gồm:

01. 01 (một) vòng deo tay kim loại màu vàng, bên trong khắc chữ "T20N-Hai chỉ" in hoa văn hình lá cây. (Số 8);

2. 01 (một) đôi bông tai kim loại màu vàng, phía dưới có treo quả cầu rỗng kim loại màu vàng và 02 hình miếng kim loại hình elip lồng vào nhau, ở trên hình elip có ký hiệu "TC*KLVM". (Số 30);

3. 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu trắng dạng mắt xích không có móc khóa, mặt dây có 02 chữ "C" ngược lồng vào nhau gắn nhiều viên đá nhỏ không màu. (Số 35);

4. 01 (một) tờ tiền ngoại tệ màu trắng xanh, mệnh giá 10.000, SERI FJ5787917.

5. 01 (một) tờ tiền ngoại tệ màu xanh biển, trắng mệnh giá 2000, SERI 0123969.

6. 02 (hai) tờ tiền ngoại tệ màu nâu, trắng mệnh giá 500, SERI XA5774360; XB6302040.

7. 03 (ba) tờ tiền ngoại tệ (Đôla Mỹ) mệnh giá 01 USD, SERI H59187293B; E50620293C; G04631109E;

8. 01 (một) tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 1000 WON, Seri JC2641369E.

9. 01 (một) tờ tiền ngoại tệ (Đôla Mỹ) mệnh giá 02 USD, SERI B16881637A.

10. 03 (ba) tờ tiền giấy Polime TWO DOLLARS Singapore. Số Sêri: 4GZ493259; 4GP 483732; 5BB 907653.

11. 03 (ba) tờ tiền mệnh giá 1.000 won bank of korea. Số sêri: EL 1463898C; BA 2001141L; DJ 1454173A;

12. 02 (hai) tờ tiền giấy 10GNNCT GAHKA, số sêri 0745892; 4908874;

13. 01 (một) tờ tiền mệnh giá 1.000 won, số sêri 1924316.

14. 01 (một) tờ tiền mệnh giá 1 bank negara Malaysia, số sêri: EC6916639

15. 01 (một) tờ tiền giấy mệnh giá 10 gourdes goud (haiti), số sêri: M2065993.

16. 01 (một) tờ tiền giấy 01 Rigal.

17. 01 (một) tờ tiền giấy mệnh giá 1000 Kyat (Myanmar), số sêri: GB7600935.

18. 07 (bảy) tờ tiền giấy mệnh giá 1 Yuan.

19. 01 (một) tờ tiền giấy mệnh giá 5 Yuan, số sêri: Fu55343600.

20. 01 (một) tờ tiền giấy mệnh giá 10 Yuan, số sêri: ZW23189447.

21. 01 (một) tờ tiền giấy mệnh giá 20 Canada (eudo802933).

22. 04 (bốn) tờ tiền giấy nước ngoài mệnh giá 2000, số sêri: 2873349; 6574497; 0622023; 2462892.

23. Tiền ngoại tệ do Ngân hàng Mỹ phát hành (USD), gồm: 03 tờ mệnh giá 1USD, số seri: 04729434; 86414444; 59836268.

24. 02 (hai) tờ mệnh giá 2USD, số seri: 00566367; 4120283.

25. 11 (mười một) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

26. 01 (một) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), Seri M811749883.

27. 02 (hai) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), Seri: IM10849836; BQ10684526.

28. 01 (một) đồng hồ đeo tay nữ hiệu Omega Deville, dây bằng kim loại màu vàng, mặt lưng ký hiệu 074.

29. 01 (một) đồng hồ đeo tay nữ màu vàng nhãn hiệu Saphire, mặt lưng có ký hiệu 6126L, mặt đồng hồ và quai đeo làm bằng kim loại màu vàng.

30. 01 (một) túi xách màu hồng kích thước 24 x 15 x 8 cm, quai túi xách làm bằng dây xích kim loại màu bạc.

31. 01 (một) đồng hồ đeo tay màu đen, vàng bằng kim loại, hiệu ESSENCE, mặt lưng ký hiệu ES7001M.

32. 01 (một) đồng hồ đeo tay nữ màu vàng bằng kim loại hiệu Olympia Star , mặt lưng ký hiệu 58012-05L-2010.

33. 01 (Một) cái đồng hồ đeo tay, loại nữ, bằng kim loại màu vàng, hiệu CHOPARD, quai có đính đá màu trắng, mặt đồng hồ hình vuông, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn C 06 loại tài sản gồm:

1. 01 (một) ví da nam màu nâu đỏ, kích thước 12 x 9 cm, bề mặt hình da cá sấu.

2. 01 (một) ví da nam màu nâu xám, kích thước 12 x 9 cm, bề mặt hình da cá sấu.

3. 01 (một) đôi giày nhãn hiệu ADIDAS trắng 03 sọc đen, phía sau có chữ Sport.

4. 01 (một) đôi giày hiệu ADIDAS màu nâu 03 sọc trắng, đế ghi chữ D&A.

5. 01 (một) đôi giày vải màu đen có đế cao su màu trắng, nhãn hiệu SPORT XINGXIA, cỡ 41.

6. 01 (một) đôi giày màu xám đế trắng bằng cao su, nhãn hiệu NIKE.

- Trả lại cho bà Lê Thị N 15 loại tài sản gồm:

1. 01 (Một) túi ni lông, màu trắng, đã qua sử dụng.

2. 01 (Một) vòng đeo tay bằng da, màu nâu, có đính các hạt kim loại màu trắng, đã qua sử dụng.

3. 01 (Một) sợi dây (dạng vòng đeo cổ), có gắn các hạt hình tròn màu trắng xanh, đã qua sử dụng.

4. 01 (Một) hộp mỹ phẩm, có hình trụ tròn (dạng hộp lắn nách), nắp màu hồng, nhãn hiệu RELIK, đã qua sử dụng.

5. 01 (Một) hộp mỹ phẩm, có hình trụ tròn, loại phấn trang điểm phụ nữ, màu trắng, trên bền mặt hộp có chứ B.B màu vàng, đã qua sử dụng.

6. 01 (Một) cái ví da nữ màu đen, nhãn hiệu SHARA FASHION, đã qua sử dụng.

7. 01 (Một) thẻ ATM của Ngân hàng BIDV, màu vàng, mang tên Lê Thị Na.

8. 01 (Một) cái đồng hồ đeo tay, loại nữ, bằng kim loại màu vàng, hiệu SEIKO, đã qua sử dụng, ký hiệu 840210.

9. 01 (Một) cái đồng hồ đeo tay, loại nữ, bằng kim loại màu trắng, hiệu RAY RUCCI, RRL 60433, đã qua sử dụng.

10. 01 (Một) lọ nước hoa, nhãn hiệu VIPA, không có nắp đậy, đã qua sử dụng.

11. (Một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, sơn màu đỏ đen, số khung 853981, số máy 1274153, biển kiểm soát 73E1- 326.48, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

12. 01 (một) nhẫn tròn kim loại màu trắng, mặt nhẫn dạng hình xoắn có gắn 06 (sáu) viên đá nhỏ và 01 (một) viên đá to không màu. (Số 41);

13. 01 (một) vòng đeo tay kim loại màu vàng có khắc hình hoa văn (không có chốt khóa). (Số 52);

14. 01 (một) chiếc khuyên tai kim loại màu vàng, có gắn các viên đá nhỏ không màu. (Số 53)

15. Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 881.000 đồng (tám trăm tám mươi mốt ngàn đồng), gồm có: 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng; 02 tờ mệnh giá 100.000 đồng; 06 tờ mệnh giá 20.000 đồng; 03 tờ mệnh giá 10.000 đồng; 16 tờ mệnh giá 5.000 đồng; 14 tờ mệnh giá 2.000 đồng; 23 tờ mệnh giá 1.000 đồng.

- Trả lại cho ông Nguyễn Thành V 02 loại tài sản gồm:

1. 01 dao cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại (loại một lưỡi cắt), mũi dao bị gãy mẻ, đuôi cán dao có gắn một khoen sắt tròn, tổng chiều dài dao là 35cm, phần lưỡi dao kim loại dài 21,5cm, bản rộng nhất của dao là 10,5cm, khoen sắt tròn có đường kính 2,7cm;

2. 01 thanh sắt hình trụ tròn (xà beng) màu đen, một đầu nhọn, một đầu bẹt, đường kính 3cm, chiều dài thanh sắt là 1,41m.

- Tiếp tục tạm giữ 16 loại tài sản thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T để bảo đảm thi hành án gồm:

1. 01 (một) đồng hồ đeo tay nam hiệu TISSOT 1853, quai đeo kim loại màu bạc, mặt lưng ký hiệu TC33410A-TKL-JA-22333.

2. 01 (một) đồng hồ đeo tay nam hiệu TISSOT 1853, quai đeo bằng da màu nâu, ký hiệu T063617A-13JA 8022656.

3. 01 (một) đồng hồ đeo tay nam hiệu HALEI, quai đeo kim loại màu bạc, ký hiệu NO: 502M.

4. 01 (một) đồng hồ đeo tay nam hiệu OMEGA, quai đeo bằng da màu nâu, ký hiệu 1036.

5. 01 (một) đồng hồ đeo tay nam hiệu CASIO, mặt trong đồng hồ màu đen, bị tháo mặt kính, quai da màu đen, ký hiệu 1330.

6. 01 (một) đồng hồ đeo tay nam hiệu NARY, quai kim loại màu bạc, mặt lưng in chìm dòng chữ NARY.

7. 01 (một) đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu đen, khóa đồng hồ bằng kim loại màu bạc, mặt chữ nhật, có chữ "RADO", dây đồng hồ làm bằng đá màu đen.

8. 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu ATLANTIC, mặt màu trắng, quai da màu đen, mặt sau đồng hồ có ký hiệu ATLANTIC SINCE 1888 67 440;

9. 01 (một) đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu vàng, hiệu LOTUS, mặt sau ghi chữ "REGISTERED_MODEL COLLECTION 15915";

10. 01 (một) đồng hồ đeo tay ký hiệu Olympia Star, quai kim loại màu vàng, mặt lưng ký hiệu 58012-05M-211;

11. 03 (ba) tượng gỗ điều khắc hình dáng Phúc Lộc Thọ màu nâu, chiều cao mỗi tượng 40cm, đế rộng 14cm;

12. 01 (một) miếng gỗ màu nâu sẫm không rõ hình dạng, hai đầu được bọc bằng kim loại màu vàng, khắc hình con rồng, ký hiệu "10K". (Số 28)

13. 01 (một) miếng màu trắng (không phải kim loại) hình móng vuốt được bọc kim loại màu trắng khắc họa tiết đầu rồng treo dưới vòng kim loại màu trắng hình bầu dục. (Số 37)

14. 01 (một) miếng kim loại màu trắng hình móng vuốt, phía trên có khắc hoa văn treo dưới miếng kim loại màu trắng hình bầu dục. (Số 43)

15. 01 (một) miếng màu trắng (không phải kim loại) hình móng vuốt được bọc kim loại màu trắng khắc họa tiết đầu rồng treo dưới vòng kim loại màu trắng hình bầu dục.

16. 02 (hai) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá mỗi tờ 200.000 đồng.

- Tịch thu hoá giá bán sung công quỹ Nhà nước 01 (một) xe mô tô của Nguyễn Văn T nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu sơn đen - cam, mang BKS: 73K1-082.14, số máy: JFG3E-1115037, số khung: RLHJFG-304FZ482185 và 01 chìa khóa xe, xe đã qua sử dụng. (Giấy đăng ký xe có tại Công ty TNHH Giải trí H T);

- Tiếp tục tạm giữ 12 loại tài sản thu giữ của Nguyễn Văn H để bảo đảm thi hành án gồm:

1. 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu MASTEL C660 màu trắng, IMEI 868355012376736 và 868355012481734, loại điện thoại phím cứng vật lý

2. 01 (Một) máy điện thoại di động, nhãn hiệu MASSTEL, vỏ màu đỏ - đen, số IMEL 1: 355000115366040, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

3. 01 (Một) máy điện thoại di động, nhãn hiệu FPT, vỏ màu đen - trắng, không có bàn phím, đã bị hỏng, số IMEL: 980056001489745, đã qua sử dụng.

4. 01 (Một) máy điện thoại di động, nhãn hiệu MASSTEL, vỏ màu đen, không có pin và nắp đậy phía sau, số IMEL: 357622063187355, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

5. 01 (Một) máy điện thoại di động, nhãn hiệu LENOVO, vỏ màu trắng, màn hình đã bị hỏng, số IMEL 1: 866278025720355, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

6. 01 (một) cái máy ảnh, màu đen, nhãn hiệu KINGCOM, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

7. 01 (Một) máy điện thoại di động, nhãn hiệu LENOVO, vỏ màu vàng, bị vỡ màn hình, đã bị hỏng, không hoạt động.

8. 02 (hai) tờ tiền ngoại tệ (Đôla Mỹ) mệnh giá 02 USD, SERI A11223478A; D15591854A.

9. 03 (ba) tờ tiền ngoại tệ (Đô la Mỹ) mệnh giá 01(một) USD, Seri D15576838A; B57004327C; A8841659C.

10. 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20USD, số seri: 78730289.

11. 01 (một) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Lào, mệnh giá 20.000. Số seri: 1196614.

12. 01 (một) tờ tiền ngoại tệ Ngân hàng Nhà nước Lào, mệnh giá 20, số seri: 8532372.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 6 loại tài sản gồm:

1. 01 (Một) cái ví da nam màu nâu, hiệu SCG, đã qua sử dụng cũ.

2. 01 (Một) cái ví da nam màu đen, hiệu CROCODIL, đã qua sử dụng.

3. 01 (Môt) cái ví da nam màu đen, bên trên ví có ghi chữ số 5010, đã qua sử dụng.

4. 01 (Một) đôi giày nam, màu xám đen, nhãn hiệu IEVO, cỡ 41, đã qua sử dủng.

5. 01 (Một) đôi giày thể thao nam, màu trắng, nhãn hiệu ZARAMEN, đã qua sử dụng.

6. 01 (Một) đôi dép nhựa nam, màu đen, loại dép lê, nhãn hiệu NIKE, cỡ 40, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu huỷ 08 loại đồ vật thu giữ của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, được các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội hoặc do các bị cáo mua sắm bằng tiền bán tài sản trộm cắp mà có, không có giá trị sử dụng gồm:

1. 01 (một) con dao có lưỡi và cán đều làm bằng kim loại màu bạc, lưỡi dao dài 14cm, cán dao dài 08cm, dao một lưỡi, sống dao bằng phẳng, phần rộng nhất của bản dao có kích thước 1,5cm.

2. 01 (một) cây kéo (loại kéo gấp được) bằng kim loại màu bạc, kích thước khi mở là 09cm, kích thước khi gấp là 05cm.

3. 01 (một) gậy baton (gậy rút) bằng kim loại màu bạc, kích thước tối đa là 64cm, kích thước rút ngắn là 24 cm.

4. 01 (một) thanh gậy bằng kim loại, hai đầu có tay cầm bằng ốp nhựa, ở giữa có 01 đoạn lò xo bằng kim loại phun sơn đen dài 20cm.

5. 01 (một) thanh kiếm tổng chiều dài 70cm, cán bằng nhựa cứng (cán quấn dây vải màu đen) lưỡi kiếm bằng kim loại màu bạc dài 47cm mài sắc một bên, sống kiếm cong, mũi nhọn, bản kiếm rộng 03 cm, bọc trong bao kiếm bằng gỗ.

6. 01 (một) thanh kiếm tổng chiều dài 93cm, cán kiếm bằng gỗ màu đen dài 20cm, lưỡi bằng kim loại màu bạc dài 73cm, lưỡi kiếm mài sắc một bên, sống kiếm thẳng, bản kiếm rộng 03cm, bọc bằng bao kiếm bằng gỗ màu đen, thân bao kếm có vẽ hình rồng, đuôi bao kiếm bọc kim loại màu đồng.

7. 01 (một) vật dạng hình khẩu súng ngắn làm bằng kim loại màu bạc, không có ký hiệu. 04 (bốn) viên kim loại dạng hình viên đạn.

8. 01 (một) gậy điện màu đen, hiệu SD609, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Tình trạng tài sản, vật chứng vụ án theo Biên bản giao nhận vật chứng các ngày 25, 26 tháng 6 năm 2018 giữa cán bộ Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình với cán bộ Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình.

Công ty TNHH Giải trí H T phải nộp lại Giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Chủ xe Nguyễn Văn T, biển số đăng ký 73K1-082.14 do Công an thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 20/12/2016.

5. Về án phí vụ án đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H:

Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; các Điều 3, 21, 23, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí, lệ phí Toà án;

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và phải nộp 1.633.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và phải nộp 1.229.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015".

Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự".

6. Về quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm của các bị cáo; người bị hại; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, bị hại Nguyễn Thị Hồng Ph; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04 tháng 10 năm 2018) để yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án.

Các người bị hại; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết tại Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:
- Theo khoản 1 Điều 262 BL TTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Cục THA DS tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB:
- Vụ GĐKT 1 TAND TC;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn, VP TAQB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký

Nguyễn Xuân Việt